



Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2019

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP

Hôm nay, ngày **22 tháng 4 năm 2019** vào hồi **08h30** tại Hội trường tầng 4 - Trung tâm Hội nghị Mipac Palace, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Hà Nội
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP, mã số doanh nghiệp 0101463614
Trụ sở chính : Tầng 18&19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Hà Nội
Đã tiến hành trọng thể Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, với các nội dung như sau :

PHẦN THỨ NHẤT
CÁC THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Thành phần tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 Tổng công ty, gồm có:
 - 1.1 Đại biểu mời tham dự :
 - Cổ đông chi phối : Tập đoàn xăng dầu Việt Nam
 - Đại diện đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018 - KPMG Việt Nam
 - 1.2 Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp : Theo nội dung của Điểm 2.2, mục 2 Biên bản này.
2. ĐHĐCĐ thường niên 2019 đã nghe bà Nguyễn Thị Hương Thảo - Trưởng Ban kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện Cổ đông - công bố kết quả kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp như sau :
 - 2.1. Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu của Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex-CTCP số V145/2019-PLC/VSD-ĐK, ngày đăng ký cuối 11/3/2019, do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp, tổng số có 2.178 Cổ đông sở hữu tương ứng **80.798.839** cổ phần. Trong đó : Trừ **1.273** cổ phần là cổ phiếu quỹ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, còn **2.177** Cổ đông tương ứng **80.797.566** cổ phần có quyền biểu quyết được quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2019 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, bao gồm :
 - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam là Cổ đông có cổ phần chi phối, sở hữu **63.889.259** cổ phần, chiếm **79,07%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đã cử 05 (năm) đại diện theo văn bản số 155/PLX-QĐ-HĐQT ngày 17/4/2019 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam;
 - Cổ đông là các tổ chức khác có **63** đơn vị, sở hữu **5.615.991** cổ phần, chiếm **6,95%** cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó :

- + Cổ đông là tổ chức nước ngoài có **25** đơn vị, sở hữu **3.999.585** cổ phần, chiếm **4,95%** cổ phần có quyền biểu quyết;
- + Cổ đông cá nhân là người nước ngoài có **44** Cổ đông, sở hữu **76,952** cổ phần, chiếm **0,10%** cổ phần có quyền biểu quyết;
- + Tổng số cổ phần do các Cổ đông nước ngoài nắm giữ là **4.076.537** cổ phần, chiếm **5,05%** cổ phần có quyền biểu quyết;
- + Cổ đông cá nhân trong nước là **2.068** Cổ đông, sở hữu **11.214.091** cổ phần chiếm tỷ lệ **13,88 %** cổ phần có quyền biểu quyết;

2.2. Số Cổ đông và Đại diện Cổ đông thực tế dự họp vào thời điểm công bố kết quả kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp đại diện sở hữu 65.778.831 cổ phần, chiếm 81,41% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hiện tại của Tổng công ty. Trong đó :

- Đại diện Cổ đông Tập đoàn xăng dầu Việt Nam: **05** người, đại diện sở hữu **63.889.259** cổ phần, chiếm 79,07 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- Cổ đông và Đại diện Cổ đông cá nhân khác : đại diện sở hữu 1.889.572 cổ phần, chiếm 2,34.% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết Tổng công ty;

2.4. Số Cổ đông và Đại diện Cổ đông thực tế dự họp vào thời điểm biểu quyết các nội dung của Đại hội đại diện sở hữu 69.231.294 cổ phần tương đương 85,68% số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

(Báo cáo Kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện Cổ đông thực tế dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2019 Tổng công ty - đính kèm).

Theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2019 đã hội đủ các điều kiện để tiến hành. Các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp có quyền biểu quyết các nội dung văn kiện đại hội theo số cổ phần PLC mà họ sở hữu hoặc đại diện sở hữu;

3. Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký ĐHĐCĐ: Theo quy định của Điều lệ PLC, Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Ông Phạm Bá Nhuận Chủ tịch HĐQT PLC - Chủ tọa ĐHĐCĐ đã giới thiệu và Đại hội đã nhất trí thông qua nhân sự tham gia Đoàn chủ tịch và Ban Thư ký Đại hội với tỷ lệ 100%, gồm có các Ông (Bà) sau :

3.1 Đoàn Chủ tịch gồm có :

- Ông Phạm Bá Nhuận : Đại diện quản lý phần vốn của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) tại PLC và là Cổ đông cá nhân; Chủ tịch HĐQT PLC - Chủ tọa ĐHĐCĐ;
- Ông Nguyễn Văn Đức : Đại diện quản lý phần vốn của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) tại PLC và là Cổ đông cá nhân; Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc PLC - Thành viên Đoàn chủ tịch;

3.2 Ban Thư ký ĐHĐCĐ gồm có :

- Bà Trần Diễm Hồng : Người phụ trách quản trị Tổng công ty và là Cổ đông cá nhân;
- Ông Nguyễn Văn Ngọc là Cổ đông cá nhân.

4. Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2019 do ông Phạm Bá Nhuận trình bày được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ là **100%**;

5. **Thế lệ biểu quyết các văn kiện tại ĐHĐCĐ thường niên 2019** do ông Phạm Bá Nhuận trình bày được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ là 100%. Trong đó, nguyên tắc thực hiện quyền biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết. Một (01) cổ phần biểu quyết tương đương với 01 điểm. Các quyết định về số lượng cổ phiếu được quyền phát hành và sửa đổi, bổ sung Điều lệ PLC được thông qua khi có ít nhất 82% tổng số điểm. Các quyết định khác được thông qua khi có ít nhất 80% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp ĐHĐCĐ chấp thuận;

PHẦN THỨ HAI

CÁC TÀI LIỆU ĐƯỢC ĐHĐCĐ THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

1. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Báo cáo của HĐQT Tổng công ty PLC năm 2018** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 69.231.294 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Báo cáo này;
2. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Báo cáo của Ban kiểm soát Tổng công ty năm 2018** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 69.231.294 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Báo cáo này;
3. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính Tổng công ty PLC năm 2019** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 69.231.294 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Báo cáo này;
4. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Tổng công ty PLC** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 69.231.294 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua này;
5. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2018** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 69.231.294 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Báo cáo này;
6. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Tờ trình Kế hoạch SXKD năm 2019 của PLC** (báo cáo đính kèm) với các chỉ tiêu chủ yếu như sau :

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2018	KẾ HOẠCH NĂM 2019	KH 2019/TH 2018
1	Sản lượng	Tấn; m3	389,405	378,771	97.3%
2	Doanh thu thuần	Triệu đ	6,433,978	6,463,307	101.0%
3	Tổng LN trước thuế	Triệu đ	194,036	208,146	107.0%
4	Tổng LN sau thuế	Triệu đ	152,990	166,516	109.0%

5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	11.5%	12.2%	
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	18.9%	20.6%	
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	16% bằng tiền	Tối thiểu 12%	

Đại hội đã tham gia ý kiến và nhất trí thông qua với 69.231.294 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Báo cáo này;

7. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Báo cáo Quyết toán QTL và thù lao của các TV HĐQT, các TV BKS PLC năm 2018** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 69.231.294 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua này;
8. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Tờ trình Phương án trả thù lao cho các TV HĐQT, các TV BKS PLC năm 2019** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 69.231.294 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua Phương án này;
9. Đại hội đã tham gia ý kiến vào **Tờ trình Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty PLC** (đính kèm). ĐHĐCĐ nhất trí thông qua với 69.231.294 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua này;

PHẦN THỨ BA

CÁC Ý KIẾN THAM GIA CỦA CỔ ĐÔNG VÀ PHÁT BIỂU CỦA ĐẠI BIỂU MỜI

ĐHĐCĐ đã lắng nghe các ý kiến tham gia của các Cổ đông, Đại diện Cổ đông dự họp và giải đáp của HĐQT PLC.

1-Cổ đông mã CN1523: Đề nghị HĐQT

- Chia sẻ các thông tin đối thủ cạnh tranh của ngành hàng nhựa đường.
- Tại sao PLC không hoàn thành KH lợi nhuận 2018.
- Tại sao tồn kho cuối năm 2018 tăng.

2-Cổ đông mã PCN035

- Tình hình dòng tiền của PLC đang có vấn đề lớn, năm 2017 và 2018 đang âm trong khi lợi nhuận không bù được dòng tiền âm. Hàng tồn kho tăng 700 tỷ, nợ tăng 600 tỷ. Đề nghị công ty giải trình rõ vấn đề này để đảm bảo ổn định và yên tâm đối với các nhà đầu tư dài hạn.
- Kinh doanh cốt lõi của PLC là dầu nhờn. Ngành hàng DMN doanh thu không tăng, lợi nhuận giảm, chi phí tăng. Đề nghị giải trình kế hoạch sắp tới để cải thiện được vấn đề này.
- Phải th chiếm đến 30% dư nợ thì có rủi ro gì trong kinh doanh không?
- Bầu HĐQT: kế hoạch nhân sự sắp tới như thế nào trong khi trong nhiệm kỳ HĐQT sắp tới, cả chủ tịch, tổng giám đốc và có 1 số TV HĐQT sẽ nghỉ hưu.

3-CĐ TCN032

- Mạng ND là mạng kinh doanh quan trọng của PLC, năm 2019 có tiến triển nhưng chưa có đột biến. Đề nghị ước tính mức độ phát triển của năm 2019.
- Mạng DMN không có tăng trưởng, cổ đông cũng muốn ủng hộ DMN của PLC, nhưng có sự chênh lệch về giá khá lớn giữa giá bán lẻ dầu nhờn PLC với các hãng lớn trên thị trường. Giá bán, 1 lon dầu của PLC cao hơn khoảng 20.000 đồng so với các hãng lớn trên thị trường. Đây có phải là nguyên nhân chính gây nên việc không tăng trưởng không tốt.
- Đề nghị in tài liệu 2 mặt giấy cho tiết kiệm.

4- CĐ CN 0007

- SL tiêu thụ 3 ngành hàng 2018 và dự kiến 2019.
- Dự kiến 2019 sản lượng giảm nhưng doanh thu tăng, nghĩa là giá bán tăng trong điều kiện cạnh tranh gay gắt, liệu cso phù hợp không

5- CĐ CN0034

- Đề nghị bóc tách SL từng ngành hàng để cổ đông biết thông tin từng mảng kinh doanh chính của PLC.
- Kết quả kinh doanh của PLC giảm do chi phí tài chính tăng, không ổn về dòng tiền, lỗ từ VP... đề nghị chia sẻ thông tin về tình hình hoạt động từng ngành hàng và thêm thông tin về tình hình tài chính. Đánh giá khả năng hoạt động của công ty liên kết VP trong thời gian tới.
- Đề nghị chia sẻ thêm về các dự án BOT mà PLC có khả năng cạnh tranh tham gia cung cấp trong năm 2019

6- CĐ TCN036

- Cổ tức 2019 dự kiến tối thiểu 12% là bằng tiền hay phát hành cổ phiếu?

Giải trình của HĐQT

1- Ông Phạm Bá Nhuận – Chủ tịch HĐQT:

- Nhiệm kỳ tới của HĐQT, ông Nhuận, ông Đức, ông Chiến sẽ nghỉ hưu giữa nhiệm kỳ và cần có đội ngũ kế cận. Cổ đông chi phối đã có buổi làm việc và có ý kiến v/v tái cấu trúc, tách bạch hoạt động DMN ra khỏi hoạt động chung của Tcty. Để đẩy nhanh tiến độ này, cần có những cán bộ có kinh nghiệm, hiểu rõ về hoạt động, lịch sử phát triển của PLC... để tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc trong năm 2019, điều hành tài chính tập trung ào năm 2020, theo đó, những TV HĐQT này có trách nhiệm tích cực triển khai nhiệm vụ để các đề án tái cấu trúc được hoàn thành vào kỳ ĐHĐCĐ 2020.
- Mức chia cổ tức tối thiểu 12% bằng tiền hay cổ phiếu phụ thuộc vào chiến lược phát triển của cổ đông chi phối trong việc phát triển PLC trong thời gian tới.
- Việc xây dựng kế hoạch báo cáo ĐHĐCĐ được xây dựng từ từng ngành hàng để tổng hợp lên. TGD sẽ báo cáo cụ thể từng ngành hàng trong việc XDKH.
- Sản lượng tiêu thụ tổng thể của 3 ngành hàng giảm, nhưng cơ cấu tăng giảm sản lượng từng ngành hàng không giống nhau. Theo dự báo, đầu vào tăng do phụ thuộc vào thị trường dầu mỏ quốc tế. Việc xây dựng kế hoạch phụ thuộc vào dự báo thị trường, đến thời

điểm hiện nay thì giá dầu tăng liên tục, kéo theo giá đầu vào của 3 ngành hàng đều tăng, giá bán sẽ phải tăng theo. Tuy nhiên, việc tăng giá bán còn phụ thuộc vào chiến lược kinh doanh của từng ngành hàng.

- KH năm 2019 về lợi nhuận chi tiết như sau: ngành hàng DMN 162 tỷ đồng, NĐ 27 tỷ, HC 19 tỷ, tổng kế hoạch lợi nhuận trước thuế là 208 tỷ.
- Công ty liên kết VP là Công ty chuyên vận tải nhựa đường. Công ty có 2 tàu chở nhựa đường nóng. 2 năm 2017-2018, do nhu cầu nhựa đường trong khu vực sụt giảm nghiêm trọng nên Công ty VP bị lỗ lớn. Vì với các công ty vận tải thủy, chi phí cố định rất lớn, ngay cả khi tàu không vận hành thì chi phí này vẫn phải chi trả. Tại Việt Nam, 2 năm gần đây do cơ chế rài ngân cho các dự án đầu tư công bị tắc nghẽn, nên các dự án đầu tư hạ tầng không được triển khai đúng tiến độ. Thị trường Indonesia là thị trường có nhu cầu sử dụng size tàu của VP cũng không có tín hiệu khả quan. Cũng như Việt Nam, đầu tư công của Indonesia cũng theo cơ chế nhiệm kỳ, trong giai đoạn vừa qua, không có nhiều các dự án đầu tư công, nên cũng không có sản lượng vận tải.
- Thị trường nhựa đường VN hiện nay đang có sự dịch chuyển, hầu hết các hãng còn lại trên thị trường đều là các DN có quy mô lớn về kho bãi... các Cty nhỏ trên thị trường cung ứng NĐ đều lỗ, do vậy, như cầu cung ứng dịch vụ vận tải NĐ quy mô size tàu nhỏ tại Việt Nam hiện nay không còn phù hợp. Để khắc phục vấn đề này, PLC và PGT đã họp bàn để tăng chuyển khai thác cho VP tại thị trường VN. Ngoài ra, năm 2018, VP còn chịu sức ép của tỷ giá cũng chịu ảnh hưởng về chi phí tài chính.

2- Ông Nguyễn Văn Đức – TV HĐQT - Tổng giám đốc

- XD KH SL tiêu thụ 2019 bằng 97,27% thực hiện năm trước. Trong đó, mảng DMN tăng 7%, mảng HC giảm bằng 90%, NĐ tăng trưởng 2% so với thực hiện 2018. Mục tiêu lợi nhuận trước thuế tăng 5% so với thực hiện 2018 đối với từng ngành hàng.
- DT của DMN phụ thuộc vào giá đầu vào. Giá bán có thể tăng do đầu vào tăng, doanh thu tăng do SL tăng chứ không phải chỉ do giá tăng, nên không thể nói là giảm khả năng cạnh tranh. Giá bán do PLC quyết định phụ thuộc vào khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- Chi phí tăng cao hơn so với trước vì trong nhiều năm trở lại đây chi phí kinh doanh DMN rất khiêm tốn do doanh thu và sản lượng giảm. Từ năm 2014 về trước, ngoài phần kinh doanh nội địa còn có phần sản lượng của pha chế thuê và xuất khẩu dầu nhờn hàng hải. Mỗi nhóm sản phẩm này vào thời kỳ cao điểm có thể đem lại khoảng 10.000 tấn sản lượng mỗi loại. Đến nay, SL pha chế thuê và xuất khẩu trong hệ thống dầu nhờn hàng hải sụt giảm rất nhiều, gần như không còn nữa, do đối tác sụt giảm SL và đã có nhà máy, kéo theo lợi nhuận cũng bị sụt giảm, mặc dù PLC đã cố gắng tiết giảm chi phí. SL nội địa của PLC vẫn giữ vững và có tăng trưởng.
- Mục tiêu của PLC là giá bán công bố cạnh tranh với các hãng. Trên thực tế, các đại lý, căn cứ vào tình hình cạnh tranh trên địa bàn để quyết định giá bán thực cho người mua kèm với các chương trình khuyến mại cho khách hàng.

- DMN PLX chất lượng tương đương BP vì cùng nguồn nguyên liệu, công nghệ...
- Ngành hàng HC đang cân nhắc việc tổ chức kinh doanh từng nhóm sản phẩm để sản lượng không tăng nhưng đảm bảo hiệu quả tăng, đồng thời cơ cấu lại danh mục sản phẩm bán, đối tượng khách hàng... tập trung vào những sản phẩm mà PLC có lợi thế, an toàn tài chính... để tăng hiệu quả.

Ông Vũ Văn Chiến

- Trên thị trường NĐ VN có nhiều Cty cạnh tranh, mặc dù các cty đa quốc gia như ESSO, Mibil, Shell đã rút hết khỏi thị trường. Hiện nay còn có ICT, ADco... PLC vẫn giữ được 30% thị phần. Năm 2018, các cty kinh doanh thuần túy NĐ trên thị trường đều lỗ. NĐ PLC lãi do xuất khẩu và kinh doanh sp mới. năm 2018, PLC XK được 11000 tấn và dự kiến 2019 sẽ tăng sản lượng XK gấp đôi tại Lào và Campuchia. PLC mới sản xuất thành công tại Nghệ An sản phẩm AC 80-100 là sản phẩm mới và sẽ được XK sang Lào, dự kiến sẽ có hiệu quả cao.
- Thị trường Polime phụ thuộc vào tiến độ các dự án đường cao tốc, cầu lớn, sân bay... nếu các dự án này không có thì sẽ không bán được. Dự báo 2021 sẽ tiêu thụ được nhóm sản phẩm này. Nhũ tương là xu hướng phát triển tất yếu của thị trường quốc tế. Thị trường Nhật chủ yếu dùng nhũ tương, polime và đóng cửa các nhà máy 60-70. Để kinh doanh các sản phẩm mới, cần đầu tư xe tưới, nhân công được đào tạo... nhóm sp này PLX đã bán được 31000 tấn, có hiệu quả cả trong và ngoài nước.
- Triển vọng NĐ 2019, với mức lợi nhuận 27 tỷ, Công ty sẽ cố gắng đạt được từ hiệu quả thu được qua XK và sản phẩm mới.
- Đề án sản phẩm mới là một chủ trương lớn của Cty, chưa được thực hiện do chưa triển khai thấu đáo. Để triển khai được cần có sự thông qua về chủ trương của HĐQT PLC và của chính quyền các địa phương.
- Năm 2019, nguồn 60-70 chỉ có thể cung cấp cho 2 dự án lớn. Dự án Bắc giang – Lạng Sơn hiện nay chưa có vốn, Dự án Bến lức Long thành đang trực trực về giải phóng mặt bằng. Dự bảođình điểm nhu cầu sẽ tăng vào 2021, kéo theo nhu cầu polime cũng tăng theo.
- Kèm theo chính sách siết chặt công nợ thì SL 60-70 sẽ giảm. Theo đó thì thị phần sẽ giảm còn 15-20%. Công nợ trước khi thành lập công ty và trước khi cổ phần đã được trích lập dự phòng các năm qua. Đề nghị HĐQT và cổ đông chi phối ủng hộ, gác số liệu này ngoài sổ sách vì đã có dự phòng; thực tế các năm qua cũng nhiều lần tìm kiếm khách hàng nhưng cũng có những khách hàng công ty không tìm được. Công ty NĐ hoàn toàn thống nhất chủ trương siết chặt công nợ, lành mạnh tài chính, mặc dù thực hiện mục tiêu này thì Công ty phải giảm thị phần.
- BOT: toàn quốc có 2 dự án sử dụng nhựa nhưng hiện đang bị tắc về giải ngân vốn: Long Thành, Bắc Giang; triển vọng 2019, 2020: BOT đang giải quyết cơ chế mắc (vay chỉ được 7 – 8 % nhưng thực tế BOT phải vay 10 – 11% → giải quyết được mới cời trôi được.

Ông Nguyễn Hà Trung

- Tổng TS gần 5000 tỷ, gia tăng gần 1000 tỷ so với 2017 tương ứng với công nợ gia tăng 300 tỷ, tồn kho tăng 600 tỷ. Nguồn vốn: nợ ngắn hạn trên 1000 tỷ. DT tăng 27%.
- Vì PLC có 3 ngành hàng riêng biệt, cơ cấu doanh số, quy mô chuyển dịch qua các năm. DMN trước đây có thể chiếm đến 50% doanh thu và chi phí. Tuy nhiên 3 năm gần đây HC, NĐ tăng trưởng mạnh về DT. Theo đó PLC đã phải cân đối lại nguồn lực tài chính, mặc dù lợi nhuận còn lại sau khi chia cổ tức không còn nhiều. HĐQT có cân đối lại vốn cho các ngành hàng nhưng không được nhiều. Vốn điều lệ của NĐ là 330 tỷ, HC là 180 tỷ so với quy mô doanh thu là quá nhỏ. Tài sản cố định đã trên 1000 tỷ, do vậy, vốn kinh doanh chủ yếu là vay tín dụng. Do vậy, cần siết chặt công nợ, nên hết Q1, HC đã giảm công nợ. HĐQT luôn phải cân nhắc để cân đối giữa tăng trưởng với công nợ. Tăng trưởng với hiệu quả. Với cơ cấu kinh doanh thương mại là chính, nên quy mô doanh thu và vay nợ NH lớn. Để đảm bảo an toàn công nợ, rủi ro tài chính thì phải cân đối, hạn chế công nợ với khách hàng đồng thời cơ cấu lại vốn và hiệu quả. Việc giao vốn phải gắn với hiệu quả.
- Thực tế, công nợ của từng khách hàng hiện tại không đáng ngại, không nhiều. Công nợ khó đòi là tồn tại từ trước. Quản lý công nợ phải cân đối với thị phần, thị trường... cần được xem xét với từng khách hàng cụ thể.

ĐHĐCĐ vinh dự được lắng nghe ý kiến tham gia của ông Trần Ngọc năm- TV HĐQT , Phó TGD Tập đoàn xăng dầu Việt Nam.

PLC là 1 trong 5 Tổng công ty lớn của PLX, được xây dựng và thành lập trên nền tảng 25 năm trưởng thành, phát triển. TĐ ghi nhận những kết quả khá ấn tượng mà PLC đã đạt được như báo cáo của đoàn chủ tịch đã trình bày cũng như các thông tin đã được truyền tải trên website PLC. Lợi nhuận trong giai đoạn 5 năm vừa qua đã tăng trưởng khoảng 6%. Hàng năm cổ đông đã nhận được cổ tức chi trả bình quân đến 23%, vượt mục tiêu 12%.

Năm 2018, HĐQT đã nhấn mạnh PLC gặp những khó khăn nhất định về chỉ tiêu lợi nhuận. Lãnh đạo PLC đã phân tích rất nghiêm túc nguyên nhân không hoàn thành, để đưa ra các giải pháp khắc phục cho các năm tiếp theo. Với việc không hoàn thành KH lợi nhuận, nhưng vẫn đạt mục tiêu trả cổ tức 2018 là 16% bằng tiền.

Một ĐHĐCĐ không đông nhưng có nhiều ý kiến chất vấn, đây là tín hiệu rất tích cực, thể hiện sự quan tâm, để cổ đông hiểu về bản chất tài chính, để chia sẻ, gây áp lực cho ban lãnh đạo. Việc phân công trả lời chất vấn nghiêm túc, khá chi tiết, để phân tích và đưa ra ý kiến cho sự phát triển trong thời gian tới.

Cổ đông PLX hoàn toàn tôn trọng các cổ đông khác. Nhiều cổ đông ở đây là chủ nhân đích thực của PLC. Các cổ đông đều mong muốn PLC phát triển, đảm bảo quyền lợi của cổ đông. Với tư cách là đại diện cổ đông lớn, TĐ đồng thuận với các đặt vấn đề của HĐQT nhiệm kỳ này cho nhiệm kỳ tiếp theo, đó là:

- Mục tiêu dài hạn 5 năm cần có chỉ tiêu cụ thể hơn. Đồng tình với mục tiêu phát triển ổn định các ngành hàng PLC đang kinh doanh, với mục tiêu hiệu quả kinh doanh ngành hàng NĐ, HC cần phải được nâng cao ngang mức trả cổ tức.
- Đảm bảo phát triển ổn định, bền vững về môi trường, dân sinh.

- *Cổ tức tối thiểu 12%, đảm bảo quyền lợi cổ đông. Trong thời gian trước, cổ đông chi phối đã yêu cầu và giao chỉ tiêu tối thiểu 80% lợi nhuận sau thuế của từng thành viên PLX để đảm bảo nguồn chi cổ tức cho PLX theo cam kết với đối tác chiến lược JX của PLX.*
- *Ban lãnh đạo đã nghiêm túc đặt mục tiêu về công nợ và quản trị dòng tiền trong thời gian tới và đã có những biện pháp tổ chức thực hiện.*
- *PLX đã đặt vấn đề cần quyết liệt tái cấu trúc, đưa phương án giảm vốn PLX tại PLC để thực hiện trong ĐH 2020. Những cán bộ của HĐQT trước khi nghỉ vào năm 2020 cần có phương án tái cấu trúc tổ chức và giảm vốn của PLX tại PLC để triển khai thực hiện trong nhiệm kỳ này.*
- *Để PLC phát triển bền vững, cần có giải pháp quản trị tiên tiến. HĐQT cần xem xét, trong PLC cần có sự thống nhất về giải pháp quản trị, ERP ... để tăng cường mục tiêu thông tin, tăng cường hiệu quả quản trị.*
- *PLC có tham gia góp vốn vào các đơn vị liên doanh, liên kết... cần đưa giải pháp hoạt động hiệu quả cho VP. Cần có sự hợp tác giữa ND, VP, PGB... với sự chủ trì của PLX để thống nhất giải pháp tăng cường hiệu quả cho các cty liên kết...*

PHẦN THỨ TƯ

BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN NHIỆM KỲ 2019-2024

Việc bầu cử thành viên HĐQT và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2019-2024 được tiến hành theo thể lệ Bầu cử mà ĐHĐCĐ đã thống nhất thông qua. Chi tiết theo Biên bản bầu cử đính kèm. Với các nội dung chính sau:

1. **Thể lệ bầu cử Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên Tổng công ty PLC nhiệm kỳ 2019-2024** (đính kèm) được Đại hội nhất trí thông qua với tỷ lệ là **100%** Trong đó, Thể lệ bầu cử được thông qua quy định nguyên tắc bầu Thành viên HĐQT và Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và bỏ phiếu kín tại Đại hội.
2. **Số lượng các ứng viên được đề cử/ứng cử là thành viên HĐQT và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2014-2018:** (báo cáo danh sách đề cử, ứng cử đính kèm)
 - Số lượng các ứng viên được đề cử/ứng cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 là 07 ứng viên, gồm các ông có tên sau (xếp theo thứ tự bảng chữ cái):
 1. Ông Vũ Văn Chiến – do HĐQT PLC đề cử theo khoản 3 điều 25 Điều lệ PLC.
 2. Ông Nguyễn Văn Đức – do Tập đoàn xăng dầu Việt Nam đề cử.
 3. Ông Phạm Bá Nhuận - do Tập đoàn xăng dầu Việt Nam đề cử.
 4. Ông Đỗ Hữu Tạo – do Tập đoàn xăng dầu Việt Nam đề cử.
 5. Ông Nguyễn Hà Trung do HĐQT PLC đề cử theo khoản 3 điều 25 Điều lệ PLC.
 6. Ông Lê Quang Tuấn do Tập đoàn xăng dầu Việt Nam đề cử
 7. Ông Hà Thanh Tuấn do HĐQT PLC đề cử theo khoản 3 điều 25 Điều lệ PLC.
 - Số lượng các ứng viên được đề cử/ứng cử là Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2019-2024 là 3 ứng viên, gồm ông có tên sau (xếp theo thứ tự bảng chữ cái):

1. Ông Tống Văn Hải - do Tập đoàn xăng dầu Việt Nam đề cử.

2. Ông Phạm Tuấn Phương - do BKS PLC đề cử theo khoản 2 điều 36 Điều lệ PLC.

3. Ông Đoàn Hồng Sáng - do Tập đoàn xăng dầu Việt Nam đề cử.

3. ĐHĐCĐ tiến hành bầu cử các thành viên HĐQT và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2019-2024:

- ĐHĐCĐ đã thống nhất với đề xuất của Chủ tọa Đại hội về danh sách Ban kiểm phiếu bầu cử.

- Việc bầu cử được tiến hành theo đúng thể lệ bầu cử mà ĐHĐCĐ đã thông qua.

- Việc kiểm số lượng phiếu bầu cử các thành viên HĐQT và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2019-2024 được Ban kiểm phiếu bầu cử đếm trước sự chứng kiến của các cổ đông/đại diện cổ đông dự Đại hội, trước khi mang đi kiểm phiếu.

4. Kết quả bầu cử các thành viên HĐQT PLC, nhiệm kỳ 2019-2024, như sau: (xếp theo thứ tự số phiếu được bầu từ cao xuống thấp)

1. Ông Phạm Bá Nhuận - được bầu 77.741.997 phiếu, tương ứng 112,47.% phiếu bầu.

2. Ông Nguyễn Văn Đức – được bầu 76.798.188 phiếu, tương ứng 111,1% phiếu bầu.

3. Ông Vũ Văn Chiến – được bầu 68.840.653 phiếu, tương ứng 99,59.% phiếu bầu.

4. Ông Lê Quang Tuấn được bầu 68.789.362 phiếu, tương ứng 99,51% phiếu bầu

5. Ông Đỗ Hữu Tạo – được bầu 66.755.930 phiếu, tương ứng 96,57% phiếu bầu.

6. Ông Nguyễn Hà Trung - được bầu 64.883.760 phiếu, tương ứng 93,86% phiếu bầu.

7. Ông Hà Thanh Tuấn được bầu 60.065.994 phiếu, tương ứng 86,89% phiếu bầu.

Theo Thể lệ bầu cử, các ông có tên trên đã trúng cử vào HĐQT PLC nhiệm kỳ 2019-2024.

Hội đồng quản trị mới trúng cử đã họp phiên thứ nhất của nhiệm kỳ, do ông Phạm Bá Nhuận – người có số phiếu trúng cử cao nhất triệu tập và thống nhất báo cáo ĐHĐCĐ thường niên 2019 kết quả bầu, cử như sau:

- Bầu ông Phạm Bá Nhuận làm Chủ tịch HĐQT Tcty PLC kể từ ngày 22/04/2019.

- Cử ông Nguyễn Văn Đức làm Tổng giám đốc Tcty PLC kể từ ngày 22/04/2019.

5. Kết quả bầu cử các Kiểm soát viên Tổng công ty nhiệm kỳ 2019-2024, như sau: (xếp theo thứ tự số phiếu được bầu từ cao xuống thấp)

1. Ông Đoàn Hồng Sáng - được bầu **85.509.235** phiếu, tương ứng 123,7% phiếu bầu.

2. Ông Tống Văn Hải - được bầu **61.739.425** phiếu, tương ứng 89,32 % phiếu bầu.

3. Ông Phạm Tuấn Phương - được bầu **60.122.548** phiếu, tương ứng 86,98% phiếu bầu.

Theo Thể lệ bầu cử, các ông có tên trên đã trúng cử vào BKS PLC nhiệm kỳ 2019-2024.

Ban kiểm soát đã họp phiên thứ nhất của nhiệm kỳ, do ông Đoàn Hồng Sáng– người có số phiếu trúng cử cao nhất triệu tập và thống nhất báo cáo ĐHĐCĐ thường niên kết quả bầu Trưởng ban kiểm soát như sau:

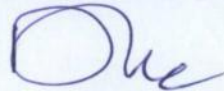
- Ông Đoàn Hồng Sáng trúng cử Trưởng ban kiểm soát Tcty PLC kể từ ngày 22/04/2019.

PHẦN THỨ NĂM
CÁC THỦ TỤC KẾT THÚC ĐHĐCĐ

1. **Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ** : Bà Trần Diễm Hồng thay mặt Ban Thư ký đọc dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ. Đại hội đã tham gia ý kiến và nhất trí thông qua với 69.231.294 điểm, đạt tỷ lệ 100% tổng số điểm của các Cổ đông và Đại diện Cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại thời điểm thông qua các dự thảo trên.
2. **Tổng kết Đại hội** : Ông Phạm Bá Nhuân thay mặt Đoàn Chủ tịch phát biểu tổng kết Đại hội. ĐHĐCĐ thường niên 2019 đã nhất trí giao cho :
 - HĐQT PLC chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị Quyết ĐHĐCĐ và các nội dung, tài liệu đã được ĐHĐCĐ thường niên 2019 biểu quyết thông qua, theo đúng quy định hiện hành của Điều lệ PLC và Pháp luật;
 - BKS PLC kiểm soát việc chấp hành Nghị quyết ĐHĐCĐ và các nội dung, tài liệu đã được ĐHĐCĐ thường niên 2019 biểu quyết thông qua theo đúng quy định hiện hành của Điều lệ PLC và Pháp luật.

Đại hội bế mạc lúc 12h35 cùng ngày.

ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2019 TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP
TV. ĐOÀN CHỦ TỊCH



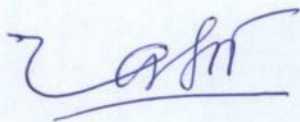
Ông Nguyễn Văn Đức



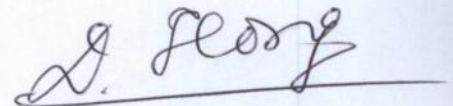
CHỦ TỌA

Ông Phạm Bá Nhuân

BAN THƯ KÝ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2019 TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP



Ông Nguyễn Văn Ngọc



Trần Diễm Hồng



PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2019

THẺ LỆ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo tuân thủ pháp luật và các thông lệ tại Việt Nam;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông;

Điều 2. Nguyên tắc bầu cử

- a. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu với hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội.
- b. Phương thức bầu dồn phiếu: Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết (Phiếu bầu) tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu vào Hội đồng quản trị hoặc số Kiểm soát viên được bầu. Cổ đông/đại diện cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc bầu cho một số các ứng viên số phiếu bằng nhau. Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.
- c. Phiếu bầu cử (theo mẫu đính kèm). Phiếu bầu cử gồm có 02 loại: Phiếu màu trắng để bầu thành viên HĐQT và phiếu màu vàng để bầu Kiểm soát viên.
- d. Cách thức ghi phiếu bầu theo phương thức bầu dồn phiếu: Cổ đông chọn một trong hai cách: bầu dồn lệch hoặc bầu dồn đều.
 - **Bầu dồn lệch:** Cổ đông ghi trực tiếp số phiếu bầu vào cột Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên. Số phiếu bầu ghi cho mỗi ứng cử viên có thể khác nhau. Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho từ 1 đến một số ứng cử viên, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào. Đảm bảo nguyên tắc: Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu.
 - **Bầu dồn đều:** Cổ đông chỉ cần đánh dấu gạch chéo (X) cho mỗi ứng cử viên trong cột “ Số phiếu bầu ”. Mỗi ứng viên sẽ được số phiếu bầu bằng tổng số phiếu bầu chia (:) cho số lượng ứng viên được đánh dấu X . Ban Kiểm phiếu sẽ tự động chia tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông cho số lượng người được đánh dấu trong phiếu.

Ví dụ: Cổ đông sở hữu/đại diện sở hữu tổng số cổ phần tại Đại hội là 1.000 cổ phần thực hiện bầu 5 thành viên Hội đồng quản trị thì số phiếu bầu tối đa của cổ đông là: $1.000 \times 5 = 5.000$ phiếu. Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu cho từ 1 đến 5 ứng cử viên, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào. Đảm bảo nguyên tắc: Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu là 5.000 phiếu. Trong đó có thể bầu:

- Bầu dồn lệch- Ví dụ:

- Ứng cử viên số 1 = 1.000 phiếu;
- Ứng cử viên số 2 = 2.000 phiếu
- Ứng cử viên số 3 = 1.000 phiếu
- Ứng cử viên số 4 = 500 phiếu
- Ứng cử viên số 5 = 500 phiếu

- Bầu dồn đều- Ví dụ:

- Đánh dấu X cho cả 5 ứng viên, nghĩa là mỗi ứng viên được bầu 1.000 phiếu;
- Đánh dấu X cho 4 ứng viên: nghĩa là mỗi ứng viên được đánh dấu có số phiếu bầu là $5000/4 = 1.250$ phiếu.
- Đánh dấu X cho 3 ứng viên: nghĩa là mỗi ứng viên được đánh dấu có số phiếu bầu là $5000/3 = 1.666$ phiếu (chỉ tính phiếu chẵn đến hàng đơn vị).
- Đánh dấu X cho 2 ứng viên: nghĩa là mỗi ứng viên được đánh dấu có số phiếu bầu là $5000/2 = 2.500$ phiếu.

Điều 3. Số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên

- a. Theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, số lượng thành viên HĐQT là bảy (07) người.
- b. ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu 07 TV HĐQT và cơ cấu thành phần trong HĐQT PLC có 02 là thành viên không điều hành hoặc thành viên độc lập.
- c. Theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, số lượng Kiểm soát viên là ba (03) người. ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu 03 Kiểm soát viên.

Điều 4. Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT PLC

Theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng tính đến thời điểm 11/3/2019 (ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của PLC) có quyền gộp số quyền biểu quyết thành nhóm để đề cử các ứng viên vào HĐQT. Số lượng thành viên HĐQT là 07 người.

a. Quyền đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị được quy định như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên;
- b. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện của người ứng cử, đề cử thành viên HĐQT:

Tiêu chuẩn, điều kiện của những người ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex như sau:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông, hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty PLC.
- c. Không phải là người có liên quan của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của cổ đông sở hữu cổ phần chi phối tại Tổng công ty PLC là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Người có liên quan được quy định tại Điều 151 khoản 1 Luật Doanh nghiệp; Điều 6 khoản 34 Luật Chứng khoán).
- d. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty PLC.

Điều 6. Những người sau đây không được làm thành viên HĐQT:

- a. Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;
- b. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam;
- c. Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại PLC;
- d. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- e. Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản: Người từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp doanh của công ty hợp doanh, Tổng giám đốc, Giám đốc, thành viên HĐQT, thành viên BKS của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các

thành viên Ban quản trị hợp tác xã trong thời điểm các doanh nghiệp và hợp tác xã này bị tuyên bố phá sản (Trừ trường hợp các doanh nghiệp và hợp tác xã này bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng);

- g. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp đó bị đình chỉ hoạt động, bị buộc phải giải thể do vi phạm pháp luật, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
- h. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ. công chức và pháp luật về phòng chống tham nhũng;
- i. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 7. Quyền đề cử, ứng cử Kiểm soát viên PLC

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng (tính đến thời điểm 11/3/2019 là ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông năm 2019 của PLC) có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS.

- a. Quyền đề cử, ứng cử Kiểm soát viên được quy định như sau:
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một(01) ứng viên;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên;
- b. Trường hợp số lượng các ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Kiểm soát viên phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện của người được ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Tiêu chuẩn của những người ứng cử, đề cử Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex như sau:

- a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty PLC ;
- c. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty; Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
- d. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty PLC;
- e. Kiểm soát viên phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Điều 9. Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, Kiểm soát viên

Các cổ đông, nhóm cổ đông có nhu cầu và có quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, Kiểm soát viên của PLC phải gửi hồ sơ đến Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP trước ngày 02/04/2019. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên của cổ đông gồm:

1. Đơn đề cử/ứng cử thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và cam kết (theo mẫu);
2. Trích yếu lý lịch cá nhân có dán ảnh (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan nơi làm việc hoặc của UBND địa phương nơi có hộ khẩu thường trú;
3. Bản sao có công chứng các giấy tờ: Chứng minh thư nhân dân, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn;
4. Văn bản của cổ đông là tổ chức hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên làm đại diện tham gia vào HĐQT, BKS của Tổng công ty PLC.

Điều 10. Quy định phiếu bầu cử

1. Phiếu bầu hợp lệ:
 - Là Phiếu do Ban tổ chức Đại hội phát ra theo mẫu thống nhất có đóng dấu treo của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, không sửa, tẩy, xóa;
 - Phiếu bầu cho những người trong danh sách bầu cử đã được Đại hội thông qua;
 - Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông bầu cho các ứng viên bằng hoặc nhỏ hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông.
2. Phiếu bầu không hợp lệ:
 - Là Phiếu bầu không do Ban tổ chức Đại hội phát hành;
 - Phiếu bị rách, gạch, tẩy, xóa, sửa chữa;
 - Phiếu bầu cho số ứng viên nhiều hơn số thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên đã được Đại hội thông qua;
 - Tổng số phiếu bầu của cổ đông bầu cho tất cả các ứng cử viên cộng lại lớn hơn tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông;
 - Cổ đông gạch tên ứng cử viên hoặc ghi thêm tên người khác vào danh sách;
 - Số lượng phiếu biểu quyết ghi bằng % ;
 - Phiếu bầu đồng thời vừa ghi số lượng phiếu bầu và vừa đánh dấu (X);

Điều 11. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, Kiểm soát viên PLC

1. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu biểu quyết tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết cao nhất cho đến khi đủ số thành viên do Đại hội đồng cổ đông quy định. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu biểu quyết như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu biểu quyết ngang nhau;
2. Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

Điều 12. Nguyên tắc kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu là 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu theo đề nghị của Chủ tọa ĐHĐCĐ.
2. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi Thẻ lệ bầu cử này được ĐHĐCĐ thông qua và kết thúc vào thời gian do ĐHĐCĐ ấn định bỏ phiếu xong, để cổ đông và đại diện cổ đông thực hiện quyền bầu cử, phù hợp với chương trình Đại hội.
3. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu, công bố số lượng phiếu thu về trước sự chứng kiến của các cổ đông trước khi mang đi kiểm phiếu.
4. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
5. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.



CHỦ TỊCH
Phạm Bá Nhuận



PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO

Danh sách nhân sự đề cử bầu vào HĐQT và Kiểm soát viên Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex nhiệm kỳ 2019 - 2024

Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên 2019 Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC);
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty PLC;
- Căn cứ dự thảo Thẻ lệ bầu cử thành viên HĐQT, kiểm soát viên Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex (PLC) tại ĐHĐCĐ thường niên 2019.

Thực hiện thủ tục chuẩn bị nhân sự đề cử, ứng cử theo các quy định nêu trên tại ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị PLC xin báo cáo kết quả thực hiện quyền đề cử, ứng cử của các cổ đông giới thiệu nhân sự đề bầu vào Hội đồng quản trị (HĐQT), Kiểm soát viên của PLC cho nhiệm kỳ 2019-2024 như sau:

1. Tập đoàn xăng dầu Việt nam (PLX) là Cổ đông chi phối của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC) có số cổ phần chiếm 79,07% Vốn điều lệ của PLC, đã đề cử 04 người tham gia ứng cử vào HĐQT PLC và 02 người tham gia ứng cử Ban Kiểm soát (BKS) PLC nhiệm kỳ 2019-2024 theo đúng quy định của thẻ lệ bầu cử.
2. Ngoài Tập đoàn xăng dầu Việt Nam là Cổ đông chi phối của Tổng công ty PLC đề cử người tham gia ứng cử HĐQT và BKS của PLC, đến ngày 19/04/2019, không có cổ đông hoặc nhóm cổ đông nào khác gửi hồ sơ ứng cử, đề cử người tham gia ứng cử HĐQT và BKS của PLC nhiệm kỳ 2019-2024.
3. Thực hiện khoản 4 điều 114 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 điều 25 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, ngày 19/04/2019 HĐQT đã họp và thống nhất đề cử thêm 03 người tham gia ứng cử vào HĐQT PLC nhiệm kỳ 2019-2024 và BKS thống nhất đề cử thêm 01 người tham gia ứng cử BKS PLC nhiệm kỳ 2019-2024 theo các quy định, để đảm bảo số lượng người đề cử, ứng cử đủ với số lượng cần được bầu theo Điều lệ và Thẻ lệ bầu cử.
4. HĐQT PLC đã thẩm định hồ sơ của các ứng cử viên, tất cả các ứng cử viên do Tập đoàn xăng dầu VN và HĐQT, BKS đề cử đều đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty PLC và Thẻ lệ bầu cử.
5. Dưới đây là danh sách đề cử:

5.1. Danh sách đề cử tham gia Hội đồng quản trị PLC:

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Đại diện
Đề cử của Cổ đông chi phối - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam			
1	Ông Phạm Bá Nhuận	Chủ tịch HĐQT PLC	Người đại diện quản lý 21.722.347 cổ phần của Tập đoàn Xăng dầu VN tại PLC
2	Ông Nguyễn Văn Đức	Ủy viên HĐQT - Tổng giám đốc PLC	Người đại diện quản lý 17.250.100 cổ phần của Tập đoàn Xăng dầu VN tại PLC
3	Ông Đỗ Hữu Tạo	Trưởng phòng Kỹ thuật xăng dầu Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Ủy viên HĐQT PLC	Người đại diện quản lý 8.305.604 cổ phần của Tập đoàn Xăng dầu VN tại PLC
4	Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng giám đốc PLC	Người đại diện quản lý 8.305.604 cổ phần của Tập đoàn Xăng dầu VN tại PLC
Đề cử của Hội đồng quản trị			
5	Ông Vũ Văn Chiến	Ủy viên HĐQT PLC; Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Cổ đông thể nhân
6	Ông Hà Thanh Tuấn	Ủy viên HĐQT PLC; Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Cổ đông thể nhân
7	Nguyễn Hà Trung	Ủy viên HĐQT PLC kiêm Trưởng Ban Tài Chính – Đầu tư HĐQT PLC	Cổ đông thể nhân

5.2. Danh sách đề cử tham gia Ban Kiểm soát PLC

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay	Đại diện
Đề cử của Cổ đông chi phối - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam			
1	Ông Đoàn Hồng Sáng	Trưởng Ban Kiểm soát PLC	Người đại diện quản lý

			8.305.604 cổ phần của Tập đoàn Xăng dầu VN tại PLC
2	Ông Tống Văn Hải	Kiểm soát viên PLC Kiểm soát viên Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Cổ đông thể nhân
Đề cử của Ban kiểm soát			
3	Ông Phạm Tuấn Phương	Kiểm soát viên PLC	Cổ đông thể nhân

Kính trình ĐHCĐ thường niên năm 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP xem xét, thông qua danh sách đề cử.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH
Phạm Bá Nhuận

Số: 01 /NQ-PLC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày

22/04/2019



NGHỊ QUYẾT
Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2019
Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex-CTCP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13, thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2015;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 9, thông qua ngày 29/6/2006, có hiệu lực từ ngày 01/01/2007 và các văn bản Pháp luật khác về Chứng khoán, Thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex-CTCP;
- Căn cứ nội dung Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP ngày 22/04/2019;
- Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP ngày 22/04/2019,

QUYẾT NGHỊ :

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP (PLC) nhất trí thông qua :

1. Báo cáo của Ban Kiểm soát PLC năm 2018 (chi tiết đính kèm);
2. Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của PLC (Chi tiết đính kèm);
3. Báo cáo của HĐQT PLC năm 2018 (chi tiết đính kèm);
4. Báo cáo Quyết toán QTL và thù lao của các Thành viên HĐQT và các Thành viên BKS PLC năm 2018 :
 - Tổng tiền thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của HĐQT là : 2.129.617.285 đồng
 - Tổng tiền thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của BKS là : 869.841.459 đồng
5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018, với một số chỉ tiêu cơ bản sau :

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận thực hiện 2018	194.036.370.576



2	Thuế TNDN	41.046.157.751
	<i>Tr.đó: Thuế TNDN khác phát sinh</i>	2.238.883.635
3	Lợi nhuận sau thuế phân phối	152.151.095.463
4	Chia cổ tức	129.276.105.600
5	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15.215.097.773
6	Quỹ thưởng BQL điều hành Tcty	749.395.997
7	Quỹ đầu tư phát triển	6.910.496.093

6. Kế hoạch SXKD năm 2019 của PLC (chi tiết đính kèm) với một số chỉ tiêu cơ bản sau :

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2018	KẾ HOẠCH NĂM 2019	KH 2019/TH 2018
1	Sản lượng	Tấn; m3	389,405	378,771	97.3%
2	Doanh thu thuần	Triệu đ	6,433,978	6,463,307	101.0%
3	Tổng LN trước thuế	Triệu đ	194,036	208,146	107.0%
4	Tổng LN sau thuế	Triệu đ	152,990	166,516	109.0%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	11.5%	12.2%	
6	Tỷ suất LNST/VDL	%	18.9%	20.6%	
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	16% bằng tiền	Tối thiểu 12%	

7. Phương án trả thù lao cho các Thành viên HĐQT và các Thành viên BKS PLC năm 2019 :

- Tổng QTL và thù lao của HĐQT năm 2019 được hưởng là: **2.394 tỷ đồng.**
- Tổng QTL và thù lao của BKS năm 2019 được hưởng là: **1.675 tỷ đồng.**

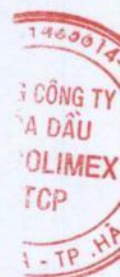
8. Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính PLC năm 2019: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty lựa chọn một trong những đơn vị dưới đây thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng công ty, đó là :

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)
- Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam
- Công ty TNHH PWC Việt Nam

9. Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty (chi tiết đính kèm).

10. Danh sách trúng cử Thành viên HĐQT PLC nhiệm kỳ 2019-2024, gồm có:

1. Ông Vũ Văn Chiến
2. Ông Nguyễn Văn Đức
3. Ông Phạm Bá Nhuận
4. Ông Đỗ Hữu Tạo



5. Ông Lê Quang Tuấn
6. Ông Hà Thanh Tuấn
7. Ông Nguyễn Hà Trung

Hội đồng quản trị mới trúng cử đã họp và thống nhất:

- Bầu ông Phạm Bá Nhuận làm Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày 22/04/2019.
- Cử ông Nguyễn Văn Đức – TV HĐQT làm Tổng giám đốc kể từ ngày 22/04/2019.

11. Danh sách trúng cử Kiểm soát viên PLC nhiệm kỳ 2019-2024, gồm có:

1. Ông Tống Văn Hải
2. Ông Phạm Tuấn Phương
3. Ông Đoàn Hồng Sáng

Ban kiểm soát mới trúng cử đã họp và thống nhất bầu ông Đoàn Hồng Sáng làm Trưởng ban kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP kể từ ngày 22/04/2019.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 22/04/2019.

CHỦ TỌA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP

Nơi nhận :

- UBCKNN (thay b/c);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (công bố TT);
- TT Lưu ký CKVN (công bố TT);
- Công bố thông tin trên Website PLC;
- HĐQT TCTXDVN (thay b/c);
- Các TV, HĐQT PLC (để chỉ đạo T/h);
- Các KSV PLC (để kiểm soát);
- Ban TGĐ PLC (để tổ chức T/h);
- HĐQT Cty NĐ (để tổ chức T/h);
- HĐQT Cty HC (để tổ chức T/h);
- Lưu VT, HĐQT PLC.



PHẠM BÁ NHUÂN

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP NGÀY 22-4-2019**

Thời gian dự kiến	Nội dung
	I. Thủ tục khai mạc Đại hội đồng cổ đông
07h30	- Đón tiếp các Cổ đông và Đại diện cổ đông; - Đón tiếp các Đại biểu mời;
	- Tiếp nhận, kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp ĐHĐCĐ, phát phiếu biểu quyết;
8h30	- Khai mạc Đại hội, giới thiệu Đại biểu; - Báo cáo kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện cổ đông; - Chủ tọa giới thiệu nhân sự Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu biểu quyết để ĐHĐCĐ thông qua; - Thông qua Chương trình họp ĐHĐCĐ; - Thông qua Thể lệ biểu quyết tại ĐHĐCĐ.
8h45	II. Các nội dung Đại hội đồng cổ đông thảo luận, biểu quyết thông qua
	1. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018;
	2. Báo cáo Tài chính hợp nhất của Tổng công ty năm 2018 đã được kiểm toán;
	3. Báo cáo của HĐQT năm 2018;
	4. Báo cáo Quyết toán QTL và thù lao của các TV. HĐQT, các TV. BKS Tổng công ty năm 2018;
	5. Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2018;
	6. Tờ trình kế hoạch kinh doanh năm 2019;
	7. Tờ trình Phương án trả thù lao cho các TV.HĐQT, các TV.BKS Tổng công ty năm 2019;
	8. Tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2019;
	9. Tờ trình sửa đổi, bổ sung điều lệ Tổng công ty;
	10. Thể lệ bầu cử thành viên HĐQT và Kiểm soát viên Tổng công ty PLC.
9h40-10h15	Bầu TV HĐQT và KSV
	11. Các nội dung khác.
11h10	III. Phát biểu của Đại biểu mời
	IV. Thủ tục kết thúc Đại hội đồng cổ đông
11h35	- Ra mắt HĐQT và BKS; Chủ tịch HĐQT; Tổng giám đốc và Trưởng ban kiểm soát mới trúng cử nhiệm kỳ 2019-2024;
11h45	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội;
11h55	- Bế mạc Đại hội.

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP



CHỦ TỊCH
Phạm Bá Nhuận



Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2019

**THẺ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2019
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP**

Việc biểu quyết, kiểm phiếu biểu quyết đề thông qua các Báo cáo, Tờ trình, Nghị quyết theo các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP được tiến hành theo thể lệ sau đây:

I- HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT:

1. Cổ đông và Đại diện cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Tổng công ty PLC (ĐHĐCĐ) bằng hình thức sử dụng **Phiếu biểu quyết**.
2. Phiếu biểu quyết là phiếu in sẵn theo mẫu của Ban tổ chức, có đóng dấu treo của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP, được phát cho Cổ đông khi tham dự Đại hội. Trong Phiếu có các thông tin về mã số cổ đông, số điểm của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
3. Đại hội biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Với mỗi vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ, Đoàn Chủ tịch Đại hội sẽ đề nghị thực hiện biểu quyết 03 lần theo trình tự sau:
 - Lần thứ nhất: Biểu quyết nhất trí.
 - Lần thứ hai : Biểu quyết không nhất trí.
 - Lần thứ ba : Biểu quyết không có ý kiến
 - Mỗi Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần (**nhất trí hoặc không nhất trí hoặc không có ý kiến**) đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ.
4. Việc xác định tỷ lệ biểu quyết mỗi vấn đề tại ĐHĐCĐ thực hiện theo hình thức tính điểm:
 - Một (01) cổ phần khi tham gia biểu quyết được tính bằng 01 điểm.
 - Tổng số Vốn điều lệ của Tổng công ty tại thời điểm tổ chức Đại hội là **807.988.390.000** đồng, được chia thành **80.798.839** cổ phần phổ thông, trong đó trừ **1.273** cổ phần là cổ phiếu quỹ của PLC, còn lại **80.797.566** cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng với **80.797.566** điểm. Số điểm của một Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tương ứng với số cổ phần đang sở hữu hoặc được ủy quyền đại diện khi dự họp và biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ.

II. NGUYÊN TẮC THÔNG QUA:

1. Các Quyết định về số lượng cổ phiếu được quyền phát hành; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; sáp nhập, tái tổ chức Tổng công ty: được ĐHĐCĐ thông qua khi có ít nhất **82** (tám hai) % tổng số điểm biểu quyết của tất cả các Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp ĐHĐCĐ chấp thuận.
2. Các Quyết định khác được ĐHĐCĐ thông qua khi có ít nhất **80** (tám mươi) % tổng số điểm biểu quyết của tất cả các Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp ĐHĐCĐ chấp thuận.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

Phạm Bá Nhuận



PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

Kính thưa Quý vị Cổ đông và các Nhà đầu tư,

Năm 2018 đánh dấu chặng đường 15 năm Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex-CTCP hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, là năm kết thúc nhiệm kỳ 2014-2019. Nhờ đầu tư đúng hướng, PLC đã tìm kiếm và tận dụng triệt để các lợi thế từng ngành hàng để hoàn thành được hầu hết các mục tiêu mà ĐHCĐ giao cho HĐQT nhiệm kỳ vừa qua.

Về kết quả kinh doanh: PLC vẫn giữ được thị phần dầu nhờn trong nước dựa trên sức mạnh của liên kết nội bộ tập đoàn Petrolimex, theo hướng hợp tác chặt chẽ, sâu rộng với tất cả các thành viên, đảm bảo các bên cùng có lợi. Gia tăng mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận từ ngành hàng nhựa đường, hóa chất để đảm bảo tổng lợi nhuận của toàn PLC tiếp tục tăng trưởng trong cả nhiệm kỳ. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2014-2018	Kế hoạch	Thực hiện	Tăng / Giảm
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (triệu đồng)	1,347,101	1,453,052	105,951 (%)
Sản lượng hợp nhất (tấn)	1,736,594	1,789,457	52,863 (tấn)

Trong đó, nhóm ngành hàng nhựa đường và hóa chất đã có sự gia tăng đáng kể về sản lượng, tăng rõ rệt về tỷ lệ đóng góp lợi nhuận vào kết quả lợi nhuận chung của PLC so với giai đoạn trước.

Ngành hàng	Giai đoạn 2014-2018 (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giai đoạn 2009-2013 (triệu đồng)	Tỷ trọng	Tăng /Giảm (triệu đồng)
Lợi nhuận TT	1.453.052	100,0%	1.294.874	100,0%	158.178
DMN	1.019.056	70,1%	1.165.212	90,0%	(146.155)
Nhựa đường	377.134	26,0%	95.345	7,4%	281.789
Hóa Chất	40.761	2,8%	33.327	2,6%	7.434

Về lợi ích cổ đông và nhà đầu tư: Cổ tức bằng tiền của cổ đông hàng năm đều cao hơn mục tiêu 12%, bình quân giai đoạn 2014-2018 là 23%, Tổng công ty vẫn có tích lũy, tái đầu tư, Vốn chủ sở hữu gia tăng qua từng năm. Cụ thể, vốn chủ sở hữu năm 2014 đạt mức bình quân là 1.116 tỷ đồng thì đến cuối năm 2018 đã đạt mức 1.336 tỷ đồng. Tổng

mức chi trả cổ tức thực tế từ năm 2015 (trả cổ tức năm 2014) đến nay (chưa bao gồm cổ tức năm 2018) đạt 775 tỷ đồng.

Về quản trị Công ty: Hoàn thiện hệ thống quản trị, đáp ứng mục tiêu minh bạch thông tin, hội nhập các tiêu chuẩn quốc tế. Trong nhiệm kỳ vừa qua, HĐQT đã tích cực chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện, cập nhật hệ thống các văn bản quy định, quy chế quản lý nội bộ; cập nhật điều lệ Công ty mẹ, Công ty con theo hướng minh bạch thông tin, phân cấp, phân công nhiệm vụ rõ ràng để phát huy tính chủ động, sáng tạo của từng cá nhân cũng như tạo khung quy định trong việc hợp tác giữa các bộ phận, cá nhân trong tổ chức. HĐQT đã quyết liệt chỉ đạo để triển khai các dự án tái cấu trúc Tổng công ty theo đúng định hướng và rút vốn thành công, có hiệu quả khởi công ty liên kết 810. PLC đã áp dụng thành công việc xây dựng hệ thống bản mô tả công việc, bảng lương chức danh công việc có tính thị trường, bước đầu trong dự án triển khai hệ thống KPI đánh giá hiệu quả công việc. Hệ thống quản lý nguồn lực ERP đã được khởi động triển khai từ giữa nhiệm kỳ 2014-2019.

Về phát triển bền vững: Xây dựng Tổng công ty PLC thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội, trên cơ sở tôn trọng quyền lợi, nghĩa vụ với cổ đông, đối tác, khách hàng, nhân viên và cộng đồng.

Tổng kết riêng năm 2018, Tổng công ty PLC không hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận ĐHCĐ giao. Tổng sản lượng đạt 389.405 tấn, đạt 108,38% so với kế hoạch; Tổng Doanh thu đạt: 6.475,123 tỷ đồng, đạt 117,07% so với Kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế 194,036 tỷ đồng đạt 81,94% kế hoạch đề ra. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận chủ yếu do sản lượng dầu nhờn sụt giảm, trong khi chi phí tăng. Thêm vào đó, công ty liên kết (Công ty CP vận tải hóa dầu VP) gặp khó khăn, lỗ lớn, khiến PLC phải trích dự phòng tài chính gần 20 tỷ đồng. Hiệu quả kinh doanh ngành hàng Nhựa đường và Hóa chất bị sụt giảm, khi giá đầu vào trên thị trường giảm sâu đột ngột vào đầu quý 4, tuy gần đạt mức hoàn thành kế hoạch nhưng tỷ trọng đóng góp vào kết quả chung của toàn PLC vẫn chưa cao.

Song hành cùng nhiệm vụ chỉ đạo tổ chức sản xuất kinh doanh, để chuẩn bị cho các hoạt động cải tổ, phát triển sản xuất, kinh doanh trong giai đoạn 2019-2024, năm 2018, HĐQT đã quyết liệt chỉ đạo, tiến hành công tác tái cấu trúc tổ chức, bổ sung nhân sự mới cho bộ máy quản lý đồng thời tiếp tục triển khai công tác điều hành tài chính tập trung. Những kết quả đã đạt được trong năm 2018 là:

Công tác điều hành tài chính tập trung: PLC đã hình thành một số nguồn lực tập trung để thực hiện nhiệm vụ đầu tư phát triển cũng như an sinh xã hội. Nguồn quỹ đầu tư phát triển tập trung đã giúp Công ty mẹ điều tiết, hỗ trợ vốn cho các Công ty con. Tuy nhiên, do nguồn lực tập trung còn ít và gặp rào cản về chính sách (Nghị định 20/2017/NĐ-CP) nên chủ trương hỗ trợ vốn của PLC còn bị hạn chế. Cơ cấu vốn của PLC đang bị mất cân đối, nguồn vốn Chủ sở hữu chỉ đảm bảo tài trợ cho tài sản dài hạn và một phần nhỏ tài sản ngắn hạn, rủi ro là tương đối lớn do phần lớn nguồn vốn ngắn hạn phải đi vay từ các tổ chức tín dụng. Nguồn vốn Chủ sở hữu các năm gần đây tăng chậm do chia cổ tức cao, tối thiểu 80% LNST, trong khi lợi nhuận không tăng. Trước những yêu cầu trên đây, việc tiếp tục rà soát, cân đối lại nguồn lực đảm bảo hiệu quả kinh doanh là cần thiết. PLC đang tiếp tục nghiên cứu và đề xuất phương án phát hành cổ phần đảm bảo cân đối nhu cầu vốn kinh

107
NG C
ÓA D
ROLI
TCP
I - TP

doanh, đầu tư phát triển đồng thời tìm kiếm các đối tác chiến lược để thúc đẩy đổi mới quản trị, tái cấu trúc thành công.

Công tác tái cấu trúc tổ chức và bổ sung nhân sự: ĐHĐCĐ thường niên 2018 đã kiện toàn và bổ sung nhân sự cho HĐQT và BKS để thực hiện nhiệm vụ. Sau ĐHĐCĐ, HĐQT tiếp tục tiến hành tái cấu trúc tổ chức tại công ty con, chuyển đổi mô hình tổ chức công ty con thành HĐTV, Giám đốc và các kiểm soát viên để tăng cường sự quản lý, giám sát hoạt động của công ty con theo đúng mục tiêu, mong muốn của công ty mẹ. Tại Công ty mẹ, HĐQT đang tiếp tục triển khai phương án tái cấu trúc, nhằm tách bạch hoạt động quản lý, điều hành kinh doanh ngành hàng DMN ra khỏi các hoạt động quản lý điều hành chung của Công ty mẹ.

Sau ĐHĐCĐ thường niên 2018, HĐQT PLC với 7 thành viên, bao gồm Chủ tịch HĐQT và 1 Thành viên HĐQT làm việc chuyên trách. HĐQT đã rà soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, để HĐQT hoạt động theo quy định của Điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ và hiệu quả. Cụ thể như sau:

- 1- Ông Phạm Bá Nhuận – Chủ tịch HĐQT chuyên trách, phụ trách chung, hoạch định chiến lược phát triển trung và dài hạn, chỉ đạo công tác kế hoạch hóa, công tác nhân sự, lương thưởng.
- 2- Ông Nguyễn Văn Khánh - Ủy viên HĐQT không điều hành, phụ trách công tác đầu tư, công nghệ, phát triển.
- 3- Ông Nguyễn Văn Đức - Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc, phụ trách, chỉ đạo phát triển ngành hàng dầu mỡ nhờn, trực tiếp phụ trách công tác kế hoạch hóa toàn PLC.
- 4- Ông Vũ Văn Chiến - Ủy viên HĐQT - phụ trách, chỉ đạo phát triển ngành hàng nhựa đường.
- 5- Ông Hà Thanh Tuấn - Ủy viên HĐQT - phụ trách, chỉ đạo phát triển ngành hàng hóa chất.
- 6- Ông Đỗ Hữu Tạo - Ủy viên HĐQT không điều hành, phụ trách công tác phát triển sản phẩm, hao hụt.
- 7- Ông Nguyễn Hà Trung - Ủy viên HĐQT chuyên trách, phụ trách công tác tài chính, quản trị rủi ro.

Năm 2018, HĐQT đã triệu tập 10 phiên họp và tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 20 lần để ra nghị quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT quyết định (Chi tiết nội dung các nghị quyết của HĐQT đã được công bố trong Báo cáo quản trị Tổng công ty năm 2018 đính kèm). Qua đó, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành, thông qua việc:

- Định kỳ hàng quý, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2018 từ đó đề ra những mục tiêu cụ thể và thông qua các chủ trương, tư vấn biện pháp thực hiện cho ban điều hành.
- Giám sát công tác đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.
- Hỗ trợ/huy động vốn hiệu quả nhất giữa các Công ty và nguồn vốn bên ngoài phục vụ kinh doanh và đầu tư phát triển của PLC.

- Chuẩn bị ĐHCĐ thường niên, phân tích tình hình kinh tế xã hội có liên quan để xác định mục tiêu kế hoạch năm 2019, trình ĐHCĐ phê duyệt và chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc tổ chức thực hiện.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, trong năm qua, HĐQT đã tiếp tục xem xét, đánh giá và hoàn thiện hệ thống quy trình, từng bước nghiên cứu, áp dụng phương pháp quản trị tiên tiến. Kết quả được thể hiện qua:

- Các Quy chế như Quy chế quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản lý lao động, tiền lương và thu nhập khác của Tổng công ty. Đồng thời HĐQT quyết định thay đổi Điều lệ của các công ty con cho phù hợp với mô hình tổ chức mới tại Công ty con và yêu cầu HĐTV ban hành một số quy chế quản trị nội bộ để vận hành cho phù hợp với quy định của pháp luật và định hướng của HĐQT PLC. HĐQT PLC đang cho tiến hành rà soát và hoàn thiện định hướng pháp lý trong điều kiện tái cấu trúc và thực tiễn: như ban hành mới Quy chế tài chính toàn hệ thống PLC (bao gồm Công ty mẹ và công ty con), Quy chế bảo lãnh tín dụng (của Công ty mẹ đối với các Công ty con...)
- Tiếp tục chỉ đạo triển khai ứng dụng hệ thống thông tin quản trị hiện đại vào quản lý, ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, xây dựng bản mô tả công việc theo phương pháp tiên tiến, bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC.

Theo các dự báo về triển vọng kinh tế Việt Nam và những biến động trong các lĩnh vực chuyên doanh của PLC, đồng thời đánh giá vị thế của PLC trên thị trường, HĐQT đã thống nhất phương hướng mục tiêu chiến lược cho PLC trong giai đoạn tiếp theo:

- Tiếp tục phát triển ổn định thị trường dầu nhờn trong nước thông qua sức mạnh của liên kết nội bộ tập đoàn Petrolimex, đồng thời phát triển thêm các kênh bán hàng mới phù hợp xu thế phát triển của thị trường, để giữ vững hiệu quả kinh doanh. Phân đầu nâng hiệu quả sử dụng vốn của ngành hàng nhựa đường, hóa chất lên ngang mức trả cổ tức. Tích cực đầu tư, phát triển mạnh sang thị trường các nước lân cận để đảm bảo tổng lợi nhuận của toàn PLC tiếp tục tăng trưởng trong nhiệm kỳ tới.
- Cổ tức bằng tiền của cổ đông hàng năm không thấp hơn 12%, Tổng công ty vẫn có tích lũy, tái đầu tư để tăng vốn chủ sở hữu của PLC lên trên 1.600 tỷ đồng, trong đó, vốn đầu tư của chủ sở hữu trên 1.000 tỷ đồng.
- Tích cực triển khai các hệ thống quản trị tiên tiến vào doanh nghiệp, đáp ứng mục tiêu minh bạch thông tin, hội nhập các tiêu chuẩn quốc tế.
- Xây dựng Tổng công ty PLC thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội, trên cơ sở tôn trọng quyền lợi, nghĩa vụ với cổ đông, đối tác, khách hàng, nhân viên và cộng đồng.

Năm 2019, là năm bản lề của nhiệm kỳ HĐQT mới, kỷ niệm 25 năm thành lập Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex, với dự báo kinh tế Việt Nam phát triển ổn định, việc phát triển kinh doanh sang thị trường Lào và Campuchia đã có nhiều khởi sắc, nhưng quy mô còn nhỏ. Nên dự báo năm 2019 chưa có biến động đột biến về sản lượng cũng như lợi nhuận đối với cả ba ngành hàng. HĐQT nhận định, mục tiêu kế hoạch lợi nhuận trước thuế

năm 2019 phải có tăng trưởng so với 2018 nhưng không có nhiều đột biến. Đây là nhiệm vụ khó khăn và chỉ có thể thực hiện được khi thực hiện tốt các giải pháp:

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, với chỉ tiêu giảm tuổi nợ của nhóm khách hàng lớn, xử lý nợ khó đòi và tăng vòng quay hàng tồn kho.
- Tiết kiệm chi phí, gồm cả chi phí tài chính và chi phí kinh doanh trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con.
- Giữ vững thị phần của các đối tác trong Petrolimex và phát triển bền vững khách hàng bên ngoài.

Kính thưa Quý vị Cổ đông và các Nhà đầu tư,

Những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua đã minh chứng cho tinh thần làm việc nghiêm túc và cầu thị của HĐQT. Để có được những thành quả này, HĐQT xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác bền chặt của các khách hàng, các đối tác và đặc biệt là toàn thể CBCNV đã nỗ lực góp sức tạo dựng PLC phát triển như ngày hôm nay. Thay mặt Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014-2019, tôi xin trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông và nhà đầu tư đã tin nhiệm và ủng hộ HĐQT hoàn thành nhiệm vụ trong nhiệm kỳ vừa qua.

Với mục tiêu chiến lược của nhiệm kỳ 2019-2024 là rất nặng nề, đòi hỏi ĐHCĐ hôm nay cần sáng suốt cân nhắc, lựa chọn một bộ máy quản lý, giám sát, điều hành đủ tài, đủ đức để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Một lần nữa, xin trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông và nhà đầu tư đã tin nhiệm và ủng hộ./.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH
Phạm Bá Nhuận





PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Năm 2018 được đánh giá là năm hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex gặp rất nhiều khó khăn. Giá dầu thế giới biến động phức tạp, mặc dù kinh tế trong nước ổn định, lãi suất, tỷ giá, lạm phát biến động thấp... các ngành hàng kinh doanh của Tổng công ty chịu áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt. Tình hình xuất khẩu của ngành hàng dầu nhờn gặp rất nhiều khó, liên tục sụt giảm sản lượng trong những năm gần đây. Mặc dù đã triển khai nhiều chương trình nhằm thúc đẩy thị trường trong nước và tìm kiếm nhiều giải pháp gia tăng hoạt động xuất khẩu ra các nước trong khu vực, tuy nhiên hoạt động của ngành hàng dầu mỡ nhờn chưa được như kỳ vọng. Ngành hàng nhựa đường hiệu quả chưa được như kỳ vọng, hoạt động mang tính chu kỳ. Trong nước, một số dự án lớn đã hoàn thành hoặc triển khai chậm, do vậy nhu cầu nhựa đường không còn nhiều. Các dự án lớn mới triển khai ở giai đoạn đầu, tổng nhu cầu thị trường sụt giảm nhiều. Mặt hàng đem lại lợi nhuận cao là Polyme và Nhũ tương chủ yếu phục vụ cho các dự án BOT, các đối thủ cạnh tranh trong những năm qua đã đầu tư thêm nhiều kho bãi và dùng nhiều hình thức cạnh tranh để tranh giành khách hàng và thị phần... Ngành hàng hóa chất có tốc độ tăng trưởng khá trong năm, có điều kiện nâng cao quy mô thị trường, mức gia tăng lợi nhuận cải thiện đáng kể tạo đà cho sự phát triển những năm tiếp theo.

Bước sang năm 2019, theo dự báo của OPEC và Hiệp hội kinh doanh xăng dầu Việt Nam, khả năng giá dầu thế giới sẽ ổn định và dao động quanh mức 50-60 USD/thùng, giá dầu mỏ chắc chắn không ổn định thời gian dài ở mức độ thấp hay cao nhất mà sẽ liên tục biến động theo các yếu tố tác động trong từng thời kỳ. Tuy nhiên, tất cả những nhân tố tác động khiến giá dầu biến động hiện đều chưa thấy có khả năng sẽ đột biến trong năm 2019.

Theo dự báo năm 2019 lãi suất có thể có những yếu tố thuận lợi do: Áp lực lạm phát có thể giảm bớt khi giá dầu thế giới không biến động nhiều, đồng USD dự báo suy yếu làm giảm áp lực từ phía tỷ giá, mức độ biến động của tỷ giá USD/VND năm 2019 sẽ chỉ xấp xỉ như năm 2018. Đồng thời năm 2019, áp lực lên tỷ giá được giảm thiểu do các yếu tố tác động trong nước và quốc tế đang có chiều hướng thuận lợi hơn so với dự báo: Khả năng USD sẽ không tăng nhiều thậm chí có thể suy yếu hơn; Lạm phát trong nước có khả năng kiểm soát khoảng 4% do giá hàng hóa thế giới tăng không lớn, áp lực lên tỷ giá giảm bớt.

Với những nhận định như trên, Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2019, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch tài chính tổng hợp năm 2019:

Với tình hình khó khăn chung như trên đã trình bày: kế hoạch sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ 2018 giao trong điều kiện kinh doanh hết sức khó khăn, giá dầu thế giới trời sập, đối thủ cạnh tranh gay gắt, ... thì việc hoàn thành kế hoạch được giao là rất khó có khả năng thực hiện. Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đã có nhiều cố gắng nỗ lực, đảm bảo an toàn mọi mặt trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo đời sống cho cán bộ người lao động, giữ vững thị phần, thực hiện tốt các nghĩa vụ với nhà nước, quy định của doanh nghiệp, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý, từng bước hoàn thiện tái cấu trúc doanh nghiệp... Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex thực hiện chia cổ tức năm 2018 với tỷ lệ dự kiến là 16% bằng tiền và có tích lũy quỹ đầu tư phát triển trong năm 2018; Để đảm bảo khả năng tích lũy, nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển, ổn định SXKD dự kiến mức cổ tức thực hiện năm 2019 tối thiểu là 12%.

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2018	KẾ HOẠCH NĂM 2019	KH 2019/TH 2018
1	Sản lượng	Tấn; m3	389,405	378,771	97.3%
2	Doanh thu thuần	Triệu đ	6,433,978	6,463,307	101.0%
3	Tổng LN trước thuế	Triệu đ	194,036	208,146	107.0%
4	Tổng LN sau thuế	Triệu đ	152,990	166,516	109.0%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	11.5%	12.2%	
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	18.9%	20.6%	
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	Dự kiến 16% bằng tiền	Tối thiểu 12%	

(VCSH và VĐL để tính tỷ suất thực hiện năm 2018 là số bình quân cuối 4 quý, tỷ suất kế hoạch 2019 là cân đối vốn bình quân theo năm kế hoạch).

Ngoài mục tiêu gia tăng sản lượng, mở rộng thị trường, Tổng công ty duy trì mục tiêu tiết giảm chi phí và đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án trọng điểm, đảm bảo cân đối dòng tiền, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Kế hoạch đầu tư năm 2019:

Năm 2019, các công ty trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư các công trình/hạng mục trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính, tạo điều kiện quan trọng để các công ty nâng cao vị thế, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường. Tổng giá trị đầu tư năm 2018 hoàn thành ở mức 285.893 tỷ đồng, đạt 72,4% Tổng kế hoạch dự toán đầu tư đã được duyệt trong năm; giá trị đầu tư hoàn thành các hạng mục sửa chữa lớn đạt 64,6% kế hoạch được duyệt:

Đvt: triệu đồng

TT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/CHỦ ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH 2018	THỰC HIỆN 2018	TH/KH NĂM 2018 (%)
	TỔNG CỘNG	394,963	285,893	72,4%
A	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI	350,454	257,126	73.4%
B	CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA LỚN	44,509	28,767	64.6%

Kế hoạch đầu tư, thực hiện các dự án năm 2019 như sau:

Đvt: triệu đồng

STT	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/CHỦ ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH DỰ TOÁN ĐẦU TƯ NĂM 2019
	TỔNG CỘNG	235,203
A	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI	199,118
B	CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA LỚN	36,085

Nhận thức rõ được tầm quan trọng và giá trị mang lại của hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, công nghệ sản xuất tiên tiến để sản xuất ra các sản phẩm chất lượng cao, mang thương hiệu Petrolimex, trong năm 2019, Tổng công ty và hai Công ty TNHH trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng các công trình và hạng mục trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính tại một số dự án, công trình đầu tư lớn, trọng điểm .

3. Các hoạt động trọng tâm khác trong năm 2019:

- Hoàn thiện và đẩy mạnh lộ trình tái cấu trúc doanh nghiệp theo đề án Tái cấu trúc Tổng công ty; xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế nhằm tăng cường khả năng quản trị, kiểm soát hoạt động doanh nghiệp.
- Triển khai đồng bộ các chính sách phát triển thị trường, gia tăng sản lượng bán, tiết giảm chi phí kinh doanh, chi phí tài chính trong toàn hệ thống, tăng cường quản lý và hoàn thiện hệ thống định mức chi phí; Tăng vòng quay hàng tồn kho; Hạn chế và kiểm soát tốt công nợ và tăng cường điều hành tài chính tập trung;
- Triển khai nhanh, hiệu quả phần mềm quản trị hệ thống ERP trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con. Hoàn thành ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, xây dựng bản mô tả công việc theo phương pháp tiên tiến, bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC.
- Thực hiện đúng quy trình, quy định về đầu tư. Đầu tư tập trung để rút ngắn thời gian triển khai, nhanh chóng đưa các công trình vào khai thác, sử dụng để tạo lợi thế, tận dụng được cơ hội kinh doanh.
- Nghiên cứu sản xuất và tiếp thị, nhanh chóng đưa các sản phẩm mới có hiệu quả kinh doanh cao vào thị trường Việt Nam và đưa sản phẩm PLC ra thị trường khu vực...



TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Phạm Bá Nhuận



PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2019

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2018*(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019)***Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;

HDQT Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP đã xây dựng và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên 2019 Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2018 của Tổng công ty PLC với nội dung cơ bản sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Giá trị	Ghi chú
1	Lợi nhuận thực hiện 2018	194.036.370.576	
2	Thuế TNDN	41.046.157.751	
	<i>Tr.đó: Thuế TNDN khác phát sinh</i>	2.238.883.635	
3	Lợi nhuận sau thuế phân phối	152.151.095.463	
4	Chia cổ tức	129.276.105.600	Chia cổ tức 16% bằng tiền.
5	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15.215.097.773	Quỹ khen thưởng phúc lợi trích bằng 1,5 tháng lương thực hiện của người lao động; Quỹ thưởng BQL bằng 1 tháng lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý.
6	Quỹ thưởng BQL điều hành Tcty	749.395.997	
7	Quỹ đầu tư phát triển	6.910.496.093	

Kính đề nghị ĐHĐCĐ Tổng công ty thông qua Phương án phân phối Lợi nhuận thực hiện năm 2018 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH
Phạm Bá Nhuận



Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO**Về việc quyết toán QTL và thù lao của các Thành viên HĐQT và các Thành viên BKS Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex năm 2018**

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty PLC đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/04/2018;
- Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP về việc thông qua phương án về quỹ tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 và kết quả sản hoạt động SXKD năm 2018 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2019 thông qua Báo cáo về việc quyết toán quỹ tiền lương và thù lao đối với các thành viên HĐQT, các thành viên BKS năm 2018 như sau:

1. Mức lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/04/2018. Theo đó, Tổng QTL và thù lao HĐQT năm 2018 là: **2.129.617.285 đồng**.
2. Quỹ thù lao của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/04/2018. Theo đó, Tổng thù lao của Ban kiểm soát năm 2018 là: **869.841.459 đồng**.

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Phạm Bá Nhuận



Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả thù lao thành viên Ban kiểm soát năm 2019

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty PLC đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/04/2018;
- Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và điều kiện thực tế của Tổng công ty PLC;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2019 phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT và trả thù lao thành viên Ban kiểm soát năm 2019, như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS:

- Tổng QTL và thù lao của HĐQT năm 2019 được hưởng là: **2.394 tỷ đồng**.
- Tổng QTL và thù lao của BKS năm 2019 được hưởng là: **1.675 tỷ đồng**.

2. Phương thức trả thù lao cho các thành viên HĐQT, các thành viên BKS Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP năm 2019: Thực hiện tạm thanh toán hàng tháng và được quyết toán khi kết thúc năm tài chính. HĐQT Tổng công ty PLC sẽ báo cáo ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua.

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH
Phạm Bá Nhuận



PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 22/04/2019

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP

Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính (TT 95) Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ thực tiễn quản lý, điều hành các hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP đã tổ chức rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ cho phù hợp với thực tiễn quản lý, điều hành của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP. Cụ thể như sau:

Điều 26

Điểm 1 “Số lượng thành viên HĐQT là 07 người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.” đề nghị được sửa đổi, bổ sung thành:

“Số lượng thành viên HĐQT là 07 người. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. Nhiệm kỳ thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT, không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.”

Điểm 3 “ h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này” đề nghị được sửa đổi, bổ sung thành:

“ h. Thành viên HĐQT do cổ đông chi phối giới thiệu hoặc ủy quyền nhóm đại diện vốn của cổ đông chi phối giới thiệu để bầu vào HĐQT sẽ không còn tư cách Thành viên HĐQT, khi cổ đông chi phối có văn bản yêu cầu miễn nhiệm hoặc thôi không tham gia HĐQT đối với Thành viên đó.

i. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này”

Điều 37

Điểm 1. “Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.” đề nghị được sửa đổi, bổ sung thành:

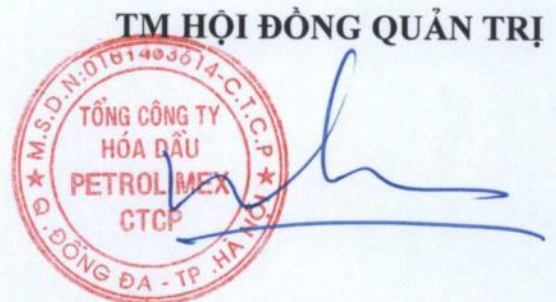
“Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của BKS là 05 năm. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên theo nhiệm kỳ của BKS, không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.”

Điểm 4 “d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.” đề nghị được sửa đổi, bổ sung thành:

“d. Kiểm soát viên do cổ đông chi phối giới thiệu hoặc ủy quyền nhóm đại diện vốn của cổ đông chi phối giới thiệu để bầu vào BKS sẽ không còn tư cách Kiểm soát viên khi cổ đông chi phối có văn bản yêu cầu miễn nhiệm hoặc thôi không tham gia BKS đối với Kiểm soát viên đó.

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này”

Hội đồng quản trị Tổng công ty PLC kính đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2019 thảo luận và thông qua Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.



CHỦ TỊCH
Phạm Bá Nhuận

SO SÁNH ĐIỀU LỆ PLC 2018 VÀ ĐIỀU LỆ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI

ĐIỀU LỆ PLC 2018	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
<p>Điều 26. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỶ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Số lượng thành viên HĐQT là 07 người. <i>Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm</i> và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau: Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. 3. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT; b. Có đơn từ chức; c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; e. Theo quyết định của ĐHQĐ; f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT; g. Thành viên đó đại diện cho pháp nhân, khi pháp nhân không còn tư cách pháp nhân hoặc thời cử là đại diện cho pháp nhân đó. h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều 	<p>Điều 26. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỶ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Số lượng thành viên HĐQT là 07 người. <i>Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. Nhiệm kỳ thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT, không quá năm (05) năm</i> và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau: Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. 3. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT; b. Có đơn từ chức; c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; e. Theo quyết định của ĐHQĐ; f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT; g. Thành viên đó đại diện cho pháp nhân, khi pháp nhân không còn tư cách pháp nhân hoặc thời cử là đại diện cho pháp nhân đó.

<p><i>lệ này.</i></p> <p>4. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>5. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.</p>	<p>h. Thành viên HĐQT do cổ đông chi phối giới thiệu hoặc ủy quyền nhóm đại diện vốn của cổ đông chi phối giới thiệu để bầu vào HĐQT sẽ không còn tư cách Thành viên HĐQT khi cổ đông chi phối có văn bản yêu cầu miễn nhiệm hoặc thôi không tham gia HĐQT đối với Thành viên đó.</p> <p>i. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>5. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.</p>
<p>Điều 37. KIỂM SOÁT VIÊN</p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là ba (03) người. <i>Nhiệm kỳ của BKS là 05 năm. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên theo nhiệm kỳ của BKS, không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</i></p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty.</p>	<p>Điều 37. KIỂM SOÁT VIÊN</p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là ba (03) người. <i>Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</i></p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty.</p> <p>Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:</p>

<p>Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Triệu tập cuộc họp BKS; b. Yêu cầu HĐQT, TGD và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS; c. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHQĐ. <p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp; b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c. Có đơn từ chức và được chấp thuận; d. <i>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</i> <p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty; c. Theo quyết định của ĐHQĐ; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này. 	<p>Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Triệu tập cuộc họp BKS; b. Yêu cầu HĐQT, TGD và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS; c. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHQĐ. <p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp; b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c. Có đơn từ chức và được chấp thuận; d. <i>Kiểm soát viên do cổ đông chi phối giới thiệu hoặc Ủy quyền nhóm đại diện vốn của cổ đông chi phối giới thiệu để bầu vào BKS đương nhiệm sẽ không còn tư cách Kiểm soát viên khi cổ đông chi phối có văn bản yêu cầu miễn nhiệm hoặc thôi không tham gia BKS đối với Kiểm soát viên đó.</i> e. <i>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</i> <p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty; c. Theo quyết định của ĐHQĐ; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
---	--





Hà nội, ngày 22 tháng 04 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018**
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019)

Kính thưa: - Các quý vị Đại biểu
- Các quý vị Cổ đông

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra giám sát quy định tại Luật doanh nghiệp; Điều lệ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex (Tổng công ty); Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex (Ban kiểm soát). Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (ĐHĐCĐ) kết quả kiểm tra giám sát năm 2018 và tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2018 như sau:

PHẦN I
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018:

1. Tổ chức, nhân sự Ban kiểm soát:

Từ ngày 01/11/2017, Bà Trần Thị Minh Hà - Trưởng Ban kiểm soát nghỉ hưu theo chế độ và Ban kiểm soát đã bầu ông Tống Văn Hải, Thành viên Ban kiểm soát giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát. Ngày 18/4/2018, ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đã đề ông Hoàng Văn Thành thôi không tham gia Ban kiểm soát và bầu bổ xung ông Đoàn Hồng Sáng, ông Phạm Tuấn Phương làm Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2019. Tại cuộc họp Ban kiểm soát ngày 18/4/2018, Ban kiểm soát đã bầu ông Đoàn Hồng Sáng làm Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2019. Như vậy từ ngày 1/1/2018 đến 18/4/2018, Ban kiểm soát hoạt động với 2 thành viên kiêm nhiệm và từ 19/4/2018 đến 31/12/2018, Ban kiểm soát hoạt động với 3 thành viên, trong đó có một thành viên kiêm nhiệm.

2. Triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tích cực, chủ động phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty; Chủ tịch, Giám đốc và Kiểm soát viên các công ty con để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ với một số hoạt động cụ thể:

- Tham gia tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Tổng công ty.

- Sửa đổi ban hành lại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát; Xây dựng ban hành kế hoạch hoạt động và phân công nhiệm vụ cho từng KSV.

- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018; tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Tham gia thảo luận, giám sát việc xây dựng Kế hoạch SXKD, Kế hoạch cân đối vốn, Kế hoạch lao động tiền lương năm 2018...

- Thẩm định Báo cáo tài chính định kỳ.

- Tham gia thảo luận, góp ý xây dựng, sửa đổi điều lệ, các quy chế, quy định quản lý, quản trị của Tổng công ty và các công ty con.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến độc lập, khách quan trong phạm vi quyền hạn của Ban kiểm soát.

- Tiến hành kiểm tra, kiểm soát quy chế, quy định, quy trình và thực tế thực hiện công tác Quản lý chi phí SXKD, Nợ phải thu, Nợ phải trả tại Công ty mẹ, Công ty Nhựa đường và Công ty Hóa chất. Nhằm góp phần nâng cao hiệu quả SXKD, khả năng quản trị và cảnh báo rủi ro.

- Lập Báo cáo kiểm soát hoạt động Tổng công ty định kỳ đúng quy định, gửi Hội đồng quản trị Tập đoàn.

- Thực hiện các công việc khác có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty...

- Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định, đảm bảo dân chủ, minh bạch. Ngoài ra, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin qua Email, điện thoại đối với những công việc liên quan đến hoạt động của đơn vị cần có ý kiến của Ban kiểm soát.

Đánh giá chung: Trong nhiệm kỳ 2014-2019, Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao một cách khách quan, trung thực trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát và quy định của Pháp luật. Trong điều kiện phạm vi hoạt động rộng, tính chất phức tạp theo đặc thù của từng ngành hàng và có nhiều rủi ro tiềm ẩn, Ban kiểm soát nhận thấy công tác kiểm tra, giám sát cần được duy trì thường xuyên và thực hiện đồng bộ ở tất cả các cấp HĐQT, HĐTV và Ban điều hành.

3. Hoạt động của từng Kiểm soát viên năm 2018:

Năm 2018, nhìn chung từng Kiểm soát viên đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Ban kiểm soát phân công đảm bảo khách quan, trung thực trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Mỗi Kiểm soát viên đều phát huy được thế mạnh của từng cá nhân, phối hợp tốt với các đơn vị, các Phòng/Ban của Tổng công ty cũng như các Công ty con trong quá trình triển khai công việc được giao.

4. Thù lao của Ban kiểm soát:

Lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2018 được thực hiện theo Phương án được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày

18/04/2018. Theo đó, Tổng lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2018 là 869.841.459 đồng.

II. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019:

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tình hình nhân sự và và điều kiện thực tế; trong năm 2019, Ban kiểm soát tập trung thực hiện một số công việc trọng tâm sau:

1. Cùng với HĐQT Tổng công ty tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2019; chuẩn bị tài liệu báo cáo theo quy định.

2. Xây dựng và tổ chức triển khai thành công Kế hoạch hoạt động năm 2019.

3. Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT Tổng công ty.

4. Tham gia các cuộc họp của HĐQT để có ý kiến tham gia, góp ý kịp thời trong phạm vi, quyền hạn của Ban kiểm soát.

5. Tham gia một số cuộc họp quan trọng của Ban TGD để nắm bắt kịp thời công tác chỉ đạo điều hành các hoạt động SXKD của Tổng công ty.

6. Thực hiện công việc định kỳ hoặc đột xuất liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát như: thẩm định báo cáo tài chính; tham gia xây dựng kế hoạch SXKD năm 2019; tham gia rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình quản lý, định mức kinh tế kỹ thuật...

PHẦN II

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, GIÁM SÁT HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

I/ Thẩm định báo cáo Tài chính năm 2018:

Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Tổng công ty, được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG, đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, kết quả hoạt động SXKD, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc này 31/12/2018 của Tổng công ty và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

Một số chỉ tiêu cơ bản trong báo cáo Tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2018	
			Cty mẹ	Hợp nhất
I	Tổng tài sản		1,490,639	4,854,244
1	Tài sản ngắn hạn	Tr, đồng	537,977	3,795,726
2	Tài sản dài hạn	Tr, đồng	952,662	1,058,518

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2018	
			Cty mẹ	Hợp nhất
3	Lợi thế thương mại	Tr, đồng	0	0
II	Tổng nguồn vốn		1,490,639	4,854,244
1	Nợ phải trả	Tr, đồng	203,641	3,529,516
2	Vốn chủ sở hữu	Tr, đồng	1,286,998	1,324,728
3	Lợi ích cổ đông thiểu số	Tr, đồng		
III	Khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2.64	1.07
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.17	0.17
IV	Cơ cấu nguồn vốn			
1	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	14%	73%
2	Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	86%	27%
V	Khả năng sinh lời			
	Lợi nhuận sau thuế			
1	ROE (Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu)	%		11.47%
2	ROA (Tỷ suất LNST/Tổng tài sản)	%		3.5%
VI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng		1.766

II. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

1. Đặc điểm, tình hình chung:

Ngành hàng Dầu mỡ Nhờn:

Tình hình giá dầu thô thế giới liên tục biến động gây khó khăn trong việc dự báo giá nguyên liệu đầu vào. Hoạt động KD DMN của Tổng công ty tiếp tục chịu sự cạnh tranh gay gắt, quyết liệt của các công ty lớn như Castrol BP, Total, Shell, Caltex... Các công ty này đã và đang tăng cường khuyến mại, hỗ trợ bán hàng tạo ra sự cạnh tranh trực tiếp đối với hệ thống phân phối DMN của Tổng công ty. Ngoài ra 02 công ty lớn của Nhật Bản là JXTG và Idemitsu đã hoạt động tại Việt Nam dẫn tới sự cạnh tranh về thương hiệu, khuyến mại và hỗ trợ bán hàng; đặc biệt từ năm 2017, JXTG là cổ đông chiến lược của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đã thực hiện nhiều chính sách KD DMN linh hoạt và sâu rộng trên thị trường Việt Nam, hiện đã và đang trực tiếp cạnh tranh rất mạnh với hệ thống bán hàng, kinh doanh DMN Petrolimex. Các khách hàng lớn như điện, than, khoáng sản, thép, xi măng, mía đường, xây dựng công trình giao thông... hầu hết chuyển từ hình thức mua bán thông thường sang hình thức đấu thầu để lựa chọn nhà cung cấp DMN.

Ngành hàng Nhựa đường:

Nhựa đường là sản phẩm chủ yếu phục vụ các dự án giao thông đường bộ như nâng cấp, cải tạo, làm mới; Nguồn vốn của các dự án này phần lớn dựa vào vốn ODA, Ngân sách nhà nước, xã hội hóa như BT, BOT.... Một số dự án Công ty có kế hoạch triển khai giai đoạn 2018 - 2020 như: Đường bộ ven biển Hải Phòng Thái Bình, TX Sầm Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, Cầu Mễ Sở vàng đai 4, QL 39 Triều Dương - Diêm Điền, Núi Cao tốc Hà Nội Hải Phòng, Pháp Vân Cầu Giẽ, Đường tránh Pleiku, QL 19 cảng Quy Nhơn, Phước Tân- Bãi Ngà, QL60 Bến Tre, Trung Lương Mỹ Thuận, Đường 25C, Bến Lức-Long Thành..., tiềm năng nhu cầu thị trường sẽ tăng dần vào năm 2019-2020.

Năm 2018 giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản chậm, dự kiến năm 2019 cũng chưa được cải thiện nhiều. Các dự án này phụ thuộc vào kế hoạch, chính sách của Quốc hội và Nhà nước trong từng giai đoạn, phụ thuộc vào hoạt động đầu tư công của Chính phủ. Các dự án giao thông bắt đầu giai đoạn triển khai nên tiến độ giải ngân rất chậm.

Cạnh tranh về cung cấp sản phẩm nhựa đường ở thị trường ngày càng gay gắt. Công ty Nhựa đường Petrolimex có các lợi thế về hệ thống kho bãi ở khu vực miền Trung, tuy nhiên vẫn bị ảnh hưởng mạnh bởi các đối thủ cạnh tranh như Adco, Tratimex đã triển khai xây dựng kho bãi với công suất lớn ở Quy Nhơn, Cam Ranh, Chân Mây. Công ty Puma xây dựng thêm kho bãi ở Đình Vũ-Hải Phòng với tổng sức chứa trên 21.000 tấn và kho Chu Lai- Quảng Nam với sức chứa 12.000 tấn.

Ngành hàng Hóa chất:

Mức độ cạnh tranh trên thị trường Dung môi Hóa chất (DMHC) Việt Nam ngày càng trở nên khốc liệt cả ở phía Nam lẫn phía Bắc, với nhiều đối thủ cạnh tranh mạnh như Samsung, PKG Kaiser, Bình Trí, Việt Bình Phát, Top Solvent, Hóa chất Miền Bắc: các đối thủ áp dụng cơ chế bán hàng rất năng động như linh hoạt điều chỉnh giá bán và công nợ, tăng chiết khấu thanh toán, chi phí khuyến mại...

Các đối thủ là công ty nước ngoài như Top Solvents, Daleim, Riverbank, Sojitz, Better Resin... kinh doanh dưới hình thức liên doanh, liên kết, bao tiêu toàn bộ từ nhập khẩu nguyên liệu cho đến tiêu thụ thành phẩm; Sử dụng các lợi thế của mình về thương hiệu, nguồn hàng, vốn và lãi suất vay ngoại tệ ở nước ngoài để tăng cường cạnh tranh tại Việt Nam.

Thị trường xuất khẩu các mặt hàng DMHC năm 2018 gặp khó khăn do căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc chậm lại và kinh tế các nước trong khu vực chưa có khởi sắc... dẫn đến sản lượng bán chuyên khẩu của Công ty trong năm 2018 giảm khá mạnh so với năm 2017.

Năm 2018 giá DMHC biến động trái chiều đã khiến công tác đánh giá, nhận định, dự báo thị trường gặp rất nhiều khó khăn: Giá tăng trong 2 tháng đầu năm, quay đầu giảm giá vào 2 tháng tiếp theo, sau đó lại tăng trở lại từ tháng 5 và đạt mức cao vào cuối tháng 9; nhưng bất ngờ giảm mạnh từ giữa tháng 10 đến hết năm đã làm ảnh hưởng lớn tới kết quả thực hiện về sản lượng, doanh thu và nhất là lợi nhuận của Công ty năm 2018.

2. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD và tình hình tài chính năm 2018:

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất năm 2018

Đơn vị tính: Tấn, m³/triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So thực hiện năm 2018 với	
					KH 2018	TH 2017
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	340,971	359,280	389,405	108.38%	114.20%
2	Tổng doanh thu thuần	5,046.459	5,530,870	6,433,978	116.32%	126.58%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	215,077	236,814	194,036	81.93%	90.21%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	171,401	189,452	152,990	80.75%	89.25%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	12.72%	13.95%	11.47%	82.15%	90.09%
6	Tỷ suất LNST/VĐL	21.21%	23.45%	18.93%	80.72%	89.25%
7	Tỷ lệ cổ tức	20%	Tối thiểu 80% LN sau thuế	-		

Năm 2018 tiếp tục là một năm thực sự khó khăn đối với Tổng công ty, đặc biệt là ngành hàng DMN và Nhựa đường. Sản lượng DMN chỉ đạt 95% kế hoạch, giá vốn tăng do yếu tố nguyên liệu đầu vào tăng làm lợi nhuận HĐKD ngành hàng DMN chỉ đạt 90,6% kế hoạch, cùng với việc phải trích lập dự phòng khoản lỗ đầu tư vào Công ty CP vận tải Hóa dầu VP (19,697 tỷ đồng) là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận hợp nhất không đạt Kế hoạch đã được ĐHCĐ thường niên năm 2018 giao.

2.2. Tình hình tài sản, nguồn vốn hợp nhất tại thời điểm 31/12/2018

Đơn vị tính: triệu đồng

TÀI SẢN/ NGUỒN VỐN	Số cuối năm 31/12/2018		Số đầu năm 01/01/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
I - TÀI SẢN NGẮN HẠN	3,795,726	78.18	2,983,179	76.87
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	583,655	12.03	564,862	14.56
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	110,809	2.28	43,851	1.13
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	1,878,626	38.72	1,566,184	40.36
4. Hàng tồn kho	1,139,020	23.43	776,730	20.01
5. Tài sản ngắn hạn khác	83,616	1.72	31,552	0.81
II- TÀI SẢN DÀI HẠN	1,058,518	21.82	897,559	23.13
1. Các khoản phải thu dài hạn	4,258	0.09	3,865	0.10

TÀI SẢN/ NGUỒN VỐN	Số cuối năm 31/12/2018		Số đầu năm 01/01/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
2. Tài sản cố định ròng	677,908	13.97	508,838	13.11
3. Bất động sản đầu tư	3,235	0.07	3,234	0.08
4. Tài sản dở dang dài hạn	162,641	3.35	152,870	3.94
5. Đầu tư tài chính dài hạn	43,534	0.90	63,233	1.63
6. Tài sản dài hạn khác	166,942	3.44	165,519	4.27
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	4,854,244	100.00	3,880,738	100.00
I- NỢ PHẢI TRẢ	3,529,516	72.70	2,537,043	65.38
1. Nợ ngắn hạn	3,441,162	70.88	2,462,290	63.45
2. Nợ dài hạn	88,354	1.82	74,754	1.93
II- VỐN CHỦ SỞ HỮU	1,324,728	27.30	1,343,695	34.62
1. Vốn góp của chủ sở hữu	807,988	16.65	807,988	20.82
2. Thặng dư vốn cổ phần	3,561	0.07	3,561	0.09
3. Vốn khác của chủ sở hữu	379	0.01	422	0.09
4. Quỹ đầu tư phát triển	338,291	6.97	338,291	8.72
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20,464	0.42	20,464	0.53
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	154,045	3.17	172,969	4.46
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	4,854,244	100.00	3,880,738	100.00

- Thời điểm 31/12/2018, Tổng tài sản/Nguồn vốn Hợp nhất của Tổng công ty là hơn 4.854 tỷ đồng. Trong đó: Tài sản ngắn hạn chiếm 78,18%, Tài sản dài hạn chiếm 21,82 % Tổng tài sản; Vốn chủ sở hữu chiếm 27,3%, các khoản Nợ phải trả chiếm 72,7% Tổng nguồn vốn.

- Tổng tài sản cuối năm tăng 974 tỷ đồng so với đầu năm; trong đó: Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 312 tỷ đồng; Hàng tồn kho tăng 362 tỷ đồng; Tài sản cố định tăng 169 tỷ đồng.

- Tổng nguồn vốn cuối năm tăng 974 tỷ đồng so với đầu năm; trong đó: Phải trả người bán tăng 360 tỷ; Vay và nợ ngắn hạn tăng 580 tỷ.

- Vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tại 31/12/2018 là 1.324 tỷ đồng được dùng để tài trợ cho khoảng 27,3% Tổng tài sản, 72,7% các tài sản còn lại được tài trợ bằng nợ phải trả và vay từ các định chế tài chính. Nợ phải trả cuối năm tăng 992 tỷ đồng so với đầu năm; trong đó vay ngắn hạn tăng 580 tỷ đồng, Phải trả người bán ngắn hạn tăng 360 tỷ đồng, Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu là 2,66 lần.

3. Tình hình đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Năm 2018, Tổng công ty chỉ còn đầu tư vốn vào 01 công ty liên kết là Công ty CP Vận tải Hóa dầu VP (Công ty VP):

- Giá trị vốn góp của Tổng công ty đầu tư vào Công ty VP trên BCTC hợp nhất năm 2018, được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 là 43,534 triệu đồng, giảm 22.465 triệu đồng so với vốn góp ban đầu (66.000 triệu đồng với tỷ lệ vốn góp là 43,78%).

- Năm 2017, Công ty VP lỗ 7,9 tỷ đồng, Công ty mẹ đã trích dự phòng cho khoản lỗ này là 2,7 tỷ đồng; Năm 2018 Công Ty VP lỗ - 44,2 tỷ đồng, Công ty mẹ đã trích dự phòng cho khoản lỗ này là 19,7 tỷ đồng.

4. Tình hình Đầu tư CSVCKT năm 2018.

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/ CHỦ ĐẦU TƯ	KẾ HOẠCH (KH) 2018	THỰC HIỆN (TH) 2018	TH/ KH 2018 (%)
	TỔNG CỘNG (A+B)	394,963	285,893	72.38%
A	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI	350,454	257,126	73.37%
1	Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	70,374	52,532	74.65%
2	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	139,993	97,941	69.96%
3	Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	140,087	106,653	76.13%
B	CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA LỚN	44,509	28,767	64.63%
1	Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	26,367	25,183	95.51%
2	Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	10,372	3,584	34.55%
3	Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	7,770	0	0.00%

Tổng giá trị đầu tư mới và sửa chữa lớn hoàn thành năm 2018 của Tổng công ty đạt 285.893 triệu đồng, bằng 72,38% so với Kế hoạch đầu tư CSVCKT năm 2018 được duyệt. Tổng công ty tiếp tục quán triệt nguyên tắc: tập trung đầu tư mới, cải tạo, mở rộng, sửa chữa lớn cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ trực tiếp hoạt động SXKD của 3 ngành hàng nhằm nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh. Các dự án đầu tư CSVCKT lớn đang được triển khai, hoàn thành: Nhà máy Dầu nhờn Đình Vũ, Kho Hóa chất Đình Vũ, Kho Nhựa đường Cam Ranh...

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Hoạt động của HĐQT:

- Trong năm 2018, HĐQT đã triển khai thực hiện tích cực, kịp thời các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao theo đúng định hướng và chiến lược của Tổng công ty.

- HĐQT đã tổ chức 10 phiên họp trực tiếp và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 25 lần để ban hành Nghị quyết, Quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp của HĐQT Tổng công ty diễn ra nghiêm túc, thuận lợi cho các thành viên HĐQT tham gia. Các thành viên HĐQT tham gia đã thảo luận thẳng thắn, có trách nhiệm đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- HĐQT đã ban hành 15 Nghị quyết, 81 Quyết định và một số văn bản theo thẩm quyền để quản lý và định hướng các hoạt động của Tổng công ty, đồng thời tổ chức công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành Công ty mẹ và 2 Công ty con nhằm đảm bảo theo đúng các kế hoạch, mục tiêu và chiến lược phát triển của Tổng công ty.

2. Hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý:

- Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được ĐHCĐ và HĐQT giao.

- Ban kiểm soát nhận thấy nhìn chung Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trên cơ sở tuân thủ các quy định của Tổng công ty và của Pháp luật.

3. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc:

- Sự phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác được duy trì thường xuyên thông qua hình thức trao đổi trực tiếp, thư điện tử (E-mail) và Văn bản. Sự phối hợp này luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, quy chế, quy định của Tổng Công ty và vì lợi ích chung của toàn Tổng công ty.

Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến đóng góp với HĐQT trong phạm vi chức năng, quyền hạn của Ban kiểm soát.

HQĐT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã tích cực phối hợp và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

PHẦN III MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

1/ Trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt, các doanh nghiệp thành lập mới tham gia thị trường kinh doanh DMN, Nhựa đường, Hóa chất liên tục tăng, trong đó có các doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài; Nền kinh tế nước ta tiếp tục mở cửa, hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới. Các hiệp định thương mại tự do với các nước, các khu vực kinh tế được ký kết và có hiệu lực. Đây là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SX KD của Tổng công ty. Vì vậy, Tổng công ty cần phải có sự đổi mới toàn diện, cần có giải pháp tích cực, chủ động và linh hoạt để thực hiện thành công Kế hoạch SXKD năm 2019 được ĐHCĐ giao.

2/ Xác định nhiệm vụ bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD lên hàng đầu, không ngừng tăng cường công tác kiểm tra giám sát về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, công tác quản lý công nợ, tiền hàng đảm bảo an toàn tài chính.

3/ Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, áp dụng hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, đồng bộ để quản trị, điều hành nâng cao hiệu quả SXKD và phòng ngừa rủi ro.

4/ Tổ chức tốt công tác dự báo nghiên cứu thị trường, công tác tạo nguồn nhập khẩu, vận chuyển về các kho, nhà máy để có giá vốn tốt nhất.

5/ Thường xuyên nghiên cứu, phân tích nhu cầu khách hàng, để có những điều chỉnh kịp thời về chính sách bán hàng, chất lượng mẫu mã sản phẩm đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng để chiếm lĩnh thị phần gia tăng sản lượng.

6/ Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí, rà soát các khoản mục chi phí cần tiết giảm; nâng cao vòng quay hàng tồn kho, vòng quay tài sản; tích cực đơn đốc và thu hồi công nợ phải thu khách hàng, đặc biệt là công nợ quá hạn, nợ khó đòi nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản của Tổng công ty.

7/ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong tất cả lĩnh vực hoạt động nhằm phát hiện ngăn ngừa và hạn chế thấp nhất rủi ro có thể xảy ra.

Thay mặt Ban kiểm soát xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo..., các đơn vị thành viên, các quý vị cổ đông trong năm qua đã phối hợp tạo điều kiện giúp đỡ Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao ./.

Nơi nhận:

- HĐQT Tập đoàn (thay b/cáo).
- HĐQT, Ban TGD PLC.
- Các Cổ đông.
- Lưu VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT



TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
Đoàn Hồng Sảng



Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP

*Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.

Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ Tổng công ty v/v. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng công ty như sau:

1. Các tiêu chí đánh giá, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2019;

- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ và kinh nghiệm kiểm toán;

- Đáp ứng yêu cầu của Tổng công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán do Tổng công ty yêu cầu;

- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC) của Tổng công ty.

2. Đề xuất Danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn:

Với các tiêu chí nêu trên, Ban kiểm soát đề xuất Danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét BCTC năm 2019 của Tổng công ty gồm các công ty kiểm toán sau:

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)

- Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam
- Công ty TNHH PWC Việt Nam

3. Đề xuất của Ban kiểm soát:

Từ những căn cứ nêu trên, Ban kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ thông qua các nội dung sau:

- (1) Thông qua các tiêu chí đánh giá lựa chọn đơn vị kiểm toán tại Mục 1;
- (2) Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán tại Mục 2;
- (3) Ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty tổ chức lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét BCTC năm 2019 theo danh sách đề nghị tại Mục 2 đảm bảo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT



TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
Đoàn Hồng Sáng

C.P. *



Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2019

**BÁO CÁO KIỂM TRA XÁC NHẬN TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
VÀ ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP;
- Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-PLC-HĐQT ngày 14/02/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex về việc thành lập Ban Kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện cổ đông.

Hôm nay, vào hồi 8h30 ngày 22 tháng 04 năm 2019 tại TP.Hà Nội, Ban Kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và Đại diện cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex (gồm các ông/bà có tên sau đây):

STT	Họ và Tên	Đơn vị, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Nguyễn Thị Hương Thảo	Phó Ban Tổng hợp HĐQT TCT PLC	Trưởng Ban
2	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng Phòng KD DMN TĐL TCT PLC	Thành viên
3	Ông Lê Anh Đức	Phó Ban Tài chính Đầu tư HĐQT TCT PLC	Thành viên
4	Ông Nguyễn Bá Hùng	Trưởng Phòng TCHC PLC Hóa chất	Thành viên
5	Ông Nguyễn Xuân Trinh	PPT Phòng QTKD SP PLC Nhựa đường	Thành viên
6	Ông Phạm Quang Thắng	Chuyên viên P.CNTT TCT PLC	Thành viên
7	Ông Ngô Hải Sơn	Chuyên viên P.CNTT TCT PLC	Thành viên
8	Ông Đỗ Bảo Anh	Chuyên viên Ban Tài chính - Đầu tư HĐQT	Thành viên

- Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, ngày đăng ký cuối cùng 11/03/2019, số V145/2019-PLC/VSD-ĐK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp ngày 13/03/2019.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã tiến hành kiểm tra tư cách Cổ đông và Đại diện cổ đông đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, xác nhận kết quả như sau:

1. Số lượng cổ đông được quyền tham dự Đại hội:

- Theo Danh sách Cổ đông chốt ngày 11/03/2019, tổng số có **2.153** Cổ đông sở hữu tương ứng **80.798.839** cổ phần. Trong đó: trừ **1.273** cổ phần là cổ phiếu quỹ của

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, còn **2.152** Cổ đông tương ứng **80.797.566** cổ phần có quyền biểu quyết được quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, bao gồm:

- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam là Cổ đông có cổ phần chi phối, sở hữu **63.889.259** cổ phần chiếm **79,07%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đã cử 05 đại diện theo Quyết định số 155/PLX-QĐ-HĐQT ngày 17/04/2019 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam. Ngoài Tập đoàn xăng dầu Việt Nam là Cổ đông chi phối, không có cổ đông hoặc nhóm cổ đông nào nắm giữ từ **5%** tổng số cổ phần trở lên.
- Ngoài Tập đoàn Xăng dầu VN, tổng số cổ phần do cổ đông trong nước sở hữu là **12.831.770** cổ phần **15,88%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó, cổ đông là cá nhân chiếm 13,88% và cổ đông là tổ chức chiếm **2,00%**.
- Tổng số cổ phần do cổ đông nước ngoài sở hữu là **4.076.537** cổ phần chiếm **5,05%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó cổ đông cá nhân chiếm **0,10%** và cổ đông là tổ chức chiếm **4,95%**.

2. Về số Cổ đông và Đại diện cổ đông thực tế có mặt tham dự Đại hội:

2.1. Thông báo lần 1- Lúc 8h30- Khai mạc Đại hội:

Tổng số cổ phần do Cổ đông và Đại diện cổ đông đến tham dự Đại hội sở hữu là **65.778.831** cổ phần, chiếm tỷ lệ **81,41 %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trong đó:

- a. Đại diện của Tập đoàn xăng dầu VN là Cổ đông chi phối: có 06 người, đại diện cho số cổ phần là **63.889.259** cổ phần, chiếm tỷ lệ **79,07%** tổng số cổ phần của Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp;
- b. Các cổ đông và Đại diện cổ đông còn lại đại diện cho tổng số cổ phần là: **1.889.572** cổ phần, chiếm tỷ lệ **2,34 %** tổng số cổ phần của Cổ đông và Đại diện cổ đông dự họp;
- c. Số cổ đông không đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 và cũng không uỷ quyền cử đại diện đến dự, sở hữu tổng số cổ phần là **15.018.735** cổ phần, chiếm tỷ lệ 19 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Ban kiểm tra xác nhận:

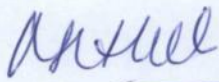
- Cổ đông và Đại diện cổ đông đăng ký tham dự Đại hội đều có đầy đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex; tất cả đều có quyền tham dự, phát biểu và biểu quyết trực tiếp tại Đại hội; đồng thời có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung chương trình, thể lệ làm việc của Đại hội và tuân thủ các quy định về cổ đông theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex.
- Với số Cổ đông và Đại diện cổ đông tham dự Đại hội vào giờ Khai mạc Đại hội, đại diện cho **65.778.831** cổ phần, chiếm tỷ lệ **81,41 %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68 năm 2014 và Điều lệ Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex đã hội đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

- Trong quá trình Đại hội tiến hành, các Cổ đông đến dự sau giờ Khai mạc sẽ được tiếp tục đăng ký kiểm tra xác nhận và có quyền biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Ban Kiểm tra tiếp tục làm việc và thông báo bổ sung với Đoàn Chủ tịch để thông báo tới Đại hội.

- Thông báo bổ sung lần 2- lúc 10h30 thời điểm biểu quyết: Tổng số cổ phần sở hữu 69-231.294 cổ phần, chiếm tỷ lệ 85,68 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

Trân trọng cảm ơn!

ĐẠI DIỆN THÀNH VIÊN



Nguyễn Thanh Hằng

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Hoàng Thảo

ĐẠI DIỆN BÀN 1



Phạm Quang Thống

ĐẠI DIỆN BÀN 2



Đỗ Bảo Anh

ĐẠI DIỆN BÀN 3



Ngô Hải Sơn



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thông tin về Tổng công ty

Quyết định cổ phần hóa Số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 01 tháng 03 năm 2004.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Số 0101463614 ngày 16 tháng 08 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 16 tháng 08 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Bá Nhuận	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên
Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Tạo	Thành viên (từ ngày 18/04/2018)
Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên (từ ngày 18/04/2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Đức Giang	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Đoàn Hồng Sáng	Trưởng Ban kiểm soát (từ ngày 18/04/2018)
Ông Phạm Tuấn Phương	Thành viên Ban kiểm soát (từ ngày 18/04/2018)
Ông Tống Văn Hải	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Hoàng Văn Thành	Thành viên Ban kiểm soát (đến ngày 18/04/2018)

Trụ sở đăng ký Tầng 18&19, số 229 Phố Tây Sơn
Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 03 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00126-19-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.795.725.359.562	2.983.178.841.054
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	583.654.569.745	564.861.713.102
Tiền	111		238.654.569.745	190.861.713.102
Các khoản tương đương tiền	112		345.000.000.000	374.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		110.809.348.225	43.851.350.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	110.809.348.225	43.851.350.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.878.626.068.186	1.566.184.002.298
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.961.352.729.856	1.666.222.449.880
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		65.456.780.201	73.138.430.615
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	24.767.983.838	14.539.810.234
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(174.112.269.929)	(187.716.688.431)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.160.844.220	-
Hàng tồn kho	140	10	1.139.019.474.211	776.729.529.665
Hàng tồn kho	141		1.139.019.474.211	776.729.529.665
Tài sản ngắn hạn khác	150		83.615.899.195	31.552.245.989
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.832.033.341	5.763.099.218
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		77.543.823.932	23.525.188.685
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18	1.240.041.922	2.263.958.086

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.058.518.160.132	897.559.049.676
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.258.194.500	3.864.872.800
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	4.258.194.500	3.864.872.800
Tài sản cố định	220		677.907.867.529	508.837.657.656
Tài sản cố định hữu hình	221	11	673.432.550.856	506.276.626.033
Nguyên giá	222		1.274.890.507.172	1.051.657.752.895
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(601.457.956.316)	(545.381.126.862)
Tài sản cố định vô hình	227	12	4.475.316.673	2.561.031.623
Nguyên giá	228		10.371.535.312	7.879.535.312
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.896.218.639)	(5.318.503.689)
Bất động sản đầu tư	230		3.234.686.485	3.234.686.485
Nguyên giá	231	13	3.234.686.485	3.234.686.485
Tài sản dở dang dài hạn	240		162.641.748.723	152.870.182.358
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	162.641.748.723	152.870.182.358
Đầu tư tài chính dài hạn	250		43.534.152.089	63.232.641.789
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	43.534.152.089	63.232.641.789
Tài sản dài hạn khác	260		166.941.510.806	165.519.008.588
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	166.941.510.806	165.519.008.588
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.854.243.519.694	3.880.737.890.730

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.529.516.069.783	2.537.043.216.684
Nợ ngắn hạn	310		3.441.161.911.141	2.462.289.679.528
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	1.140.134.079.457	780.398.616.082
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.302.020.252	18.931.623.376
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	32.685.436.264	20.716.038.169
Phải trả người lao động	314		52.820.969.832	37.740.047.020
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	18.306.722.614	3.669.411.851
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	22.452.493.869	13.010.413.010
Vay ngắn hạn	320	21(a)	2.159.810.073.891	1.579.304.542.721
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	3.650.114.962	8.518.987.299
Vay dài hạn	330		88.354.158.642	74.753.537.156
Vay dài hạn	338	21(b)	88.354.158.642	74.753.537.156
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.324.727.449.911	1.343.694.674.046
Vốn chủ sở hữu	410	23	1.324.727.449.911	1.343.694.674.046
Vốn cổ phần	411	24	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	24	(12.730.000)	(12.730.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(75.378.983)	(31.616.582)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	338.290.620.318	338.290.620.318
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	154.045.693.885	172.969.155.619
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.055.481.060	1.568.289.505
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		152.990.212.825	171.400.866.114
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.854.243.519.694	3.880.737.890.730

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng	01	28	6.436.325.017.954	5.049.088.496.895
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	2.346.752.147	2.629.541.925
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	28	6.433.978.265.807	5.046.458.954.970
Giá vốn hàng bán	11	29	5.562.567.838.945	4.263.628.331.642
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		871.410.426.862	782.830.623.328
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	31.551.861.295	31.867.413.787
Chi phí tài chính	22	31	111.220.124.566	60.268.695.295
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		85.633.635.141	54.202.198.384
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(19.698.489.700)	(3.847.738.597)
Chi phí bán hàng	25	32	489.928.882.606	446.045.201.873
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	95.821.736.320	91.678.692.836
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	30		186.293.054.965	212.857.708.514
Thu nhập khác	31		9.550.049.163	4.348.537.806
Chi phí khác	32		1.806.733.552	2.129.202.299
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		7.743.315.611	2.219.335.507
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		194.036.370.576	215.077.044.021
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	41.046.157.751	43.676.177.907
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		152.990.212.825	171.400.866.114
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ	61		152.990.212.825	171.400.866.114
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.766	2.121

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	194.036.370.576	215.077.044.021
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	64.373.247.239	92.796.367.154
Các khoản dự phòng	03	(13.604.418.502)	(1.625.837.091)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.487.054.180)	(655.556.412)
Lãi/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	1.306.955	(17.007.892.141)
Chi phí lãi vay	06	85.633.635.141	54.202.198.384
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	328.953.087.229	342.786.323.915
Biến động các khoản phải thu	09	(349.347.623.583)	(382.150.163.455)
Biến động hàng tồn kho	10	(362.289.944.546)	(43.348.928.736)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	385.687.061.919	162.114.381.402
Biến động chi phí trả trước	12	(3.746.869.573)	(2.215.661.663)
Tiền lãi vay đã trả	14	(85.633.635.141)	(54.202.198.384)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(40.475.633.063)	(42.582.557.215)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.187.426.899)	(12.036.531.824)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(142.040.983.657)	(31.635.335.960)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(222.210.840.888)	(180.090.380.607)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.372.062.558	1.049.790.000
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(66.957.998.225)	(43.851.350.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	15.387.657.871	19.105.294.700
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(272.409.118.684)	(203.786.645.907)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	4.728.392.912.277	3.599.755.301.078
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.133.547.632.811)	(3.244.693.834.831)
Tiền trả cổ tức	36	(161.371.354.225)	(160.649.989.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	433.473.925.241	194.411.477.072
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	19.023.822.900	(41.010.504.795)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	564.861.713.102	605.917.594.464
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(230.966.257)	(45.376.567)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	583.654.569.745	564.861.713.102

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:

Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởngNguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty và các công ty con là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng công ty:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty có 2 công ty con cấp 1 và 1 công ty con cấp 2 (01/01/2018: 2 công ty con cấp 1 và 1 công ty con cấp 2) như sau:

			31/12/2018 và 01/01/2018 % sở hữu và % quyền biểu quyết
Công ty con cấp 1			
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Hà Nội	100%
Công ty con cấp 2			
Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào (*)	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Viêng- chăn, Lào	100%

(*) Đây là công ty con của Công ty TNHH Nhựa Đường. Công ty được thành lập trong năm 2017.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty có 1 công ty liên kết (01/01/2018: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 15.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty và các công ty con có 721 nhân viên (01/01/2018: 716 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không được dùng để chia cổ tức.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc, thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 – 17 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

Trong năm 2018, Tổng công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của các tài sản này, thời gian thay đổi như sau:

	2018	2017
▪ nhà cửa – bồn bể chứa	20 năm	10 năm
▪ máy móc, thiết bị	15 năm	5 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10 năm	6 năm

Ảnh hưởng đối với giá trị chi phí khấu hao trong năm là đã làm giảm chi phí khấu hao là 33.708 triệu VND.

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 - 10 năm.

Trong năm 2018, Tổng công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của phần mềm máy tính từ 3 năm sang 8 năm để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của các tài sản này. Ảnh hưởng đối với giá trị chi phí khấu hao trong năm là đã làm giảm chi phí khấu hao là 548 triệu VND.

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đầu tư sản văn phòng

Chi phí đầu tư sản văn phòng là chi phí trả trước cho việc mua văn phòng tại tầng 18 và tầng 19 tòa nhà Mipec, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ thời điểm mua đến hết thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở từ 43 đến 46 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu trừ đi ảnh hưởng thuế. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tổng công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý do Tổng công ty và các công ty con chủ yếu thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ("Tập đoàn") và các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn.

4. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được cấu trúc theo mô hình công ty mẹ - công ty con và mỗi công ty thực hiện kinh doanh trên từng ngành hàng riêng biệt như sau:

- Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn;
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex và Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng nhựa đường; và
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex: Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất có nguồn gốc từ dầu mỏ.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.444.256.664.555	2.148.048.743.933	2.841.672.857.319	-	6.433.978.265.807
Doanh thu giữa các bộ phận	7.930.962.872	-	-	(7.930.962.872)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.452.187.627.427	2.148.048.743.933	2.841.672.857.319	(7.930.962.872)	6.433.978.265.807
Giá vốn hàng bán	997.539.031.908	1.896.506.612.660	2.676.453.157.249	(7.930.962.872)	5.562.567.838.945
Chi phí bán hàng	216.533.530.196	191.148.836.507	82.246.515.903	-	489.928.882.606
Chi phí quản lý doanh nghiệp	54.075.609.578	21.704.348.059	20.041.778.683	-	95.821.736.320
Kết quả kinh doanh của bộ phận	184.039.455.745	38.688.946.707	62.931.405.484	-	285.659.807.936
Doanh thu hoạt động tài chính	17.285.940.218	19.593.083.810	10.186.534.349	(15.513.697.082)	31.551.861.295
Chi phí tài chính	(32.686.754.613)	(40.373.779.228)	(57.858.080.425)	19.698.489.700	(111.220.124.566)
Phần lỗ trong công ty liên kết	(19.698.489.700)	-	-	-	(19.698.489.700)
Thu nhập khác	2.834.331.096	5.543.050.094	1.172.667.973	-	9.550.049.163
Chi phí khác	(1.803.286.993)	(12.080)	(3.434.479)	-	(1.806.733.552)
Kết quả từ các hoạt động khác	(34.068.259.992)	(15.237.657.404)	(46.502.312.582)	4.184.792.618	(91.623.437.360)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	149.971.195.753	23.451.289.303	16.429.092.902	4.184.792.618	194.036.370.576
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.960.150.375	4.968.537.404	5.117.469.972	-	41.046.157.751
Lợi nhuận thuần sau thuế	119.011.045.378	18.482.751.899	11.311.622.930	4.184.792.618	152.990.212.825

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 01 tháng 01 năm 2018

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.406.988.067.491	1.627.685.895.396	2.011.784.992.083	-	5.046.458.954.970
Doanh thu giữa các bộ phận	6.341.401.281	-	-	(6.341.401.281)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.413.329.468.772	1.627.685.895.396	2.011.784.992.083	(6.341.401.281)	5.046.458.954.970
Giá vốn hàng bán	970.186.512.898	1.419.196.345.372	1.880.586.874.653	(6.341.401.281)	4.263.628.331.642
Chi phí bán hàng	207.327.403.802	164.181.847.490	74.535.950.581	-	446.045.201.873
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44.417.609.735	30.864.505.880	16.396.577.221	-	91.678.692.836
Kết quả kinh doanh của bộ phận	191.397.942.337	13.443.196.654	40.265.589.628	-	245.106.728.619
Doanh thu hoạt động tài chính	11.928.610.810	21.041.504.949	8.336.305.996	(9.439.007.968)	31.867.413.787
Chi phí tài chính	(6.579.818.469)	(23.509.775.190)	(34.218.429.820)	4.039.328.184	(60.268.695.295)
Phần lỗ trong công ty liên kết	(3.847.738.597)	-	-	-	(3.847.738.597)
Thu nhập khác	2.316.712.706	937.350.412	1.094.474.688	-	4.348.537.806
Chi phí khác	(2.127.123.521)	(2.078.778)	-	-	(2.129.202.299)
Kết quả từ các hoạt động khác	1.690.642.929	(1.532.998.607)	(24.787.649.136)	(5.399.679.784)	(30.029.684.598)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	193.088.585.266	11.910.198.047	15.477.940.492	(5.399.679.784)	215.077.044.021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.050.622.484	2.522.459.161	3.103.096.262	-	43.676.177.907
Lợi nhuận thuần sau thuế	155.037.962.782	9.387.738.886	12.374.844.230	(5.399.679.784)	171.400.866.114

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Dầu mỏ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.328.060.944	505.075.446.694	43.251.062.107	-	583.654.569.745
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	110.809.348.225	-	-	110.809.348.225
Các khoản phải thu ngắn hạn	135.748.972.061	726.440.257.811	1.017.725.748.121	(1.288.909.807)	1.878.626.068.186
Hàng tồn kho	365.499.415.868	311.218.554.916	462.301.503.427	-	1.139.019.474.211
Tài sản ngắn hạn khác	1.400.268.739	40.380.248.178	41.835.382.278	-	83.615.899.195
Các khoản phải thu dài hạn	63.476.000.000	3.854.175.300	404.019.200	(63.476.000.000)	4.258.194.500
Tài sản cố định	185.955.113.239	265.323.557.182	226.629.197.108	-	677.907.867.529
Bất động sản đầu tư	3.234.686.485	-	-	-	3.234.686.485
Tài sản dở dang dài hạn	74.970.780.815	86.729.770.636	941.197.272	-	162.641.748.723
Đầu tư tài chính dài hạn	553.534.152.089	-	-	(510.000.000.000)	43.534.152.089
Tài sản dài hạn khác	71.491.571.090	24.995.055.581	70.454.884.135	-	166.941.510.806
Tổng tài sản	1.490.639.021.330	2.074.826.414.523	1.863.542.993.648	(574.764.909.807)	4.854.243.519.694
Nguồn vốn					
Nợ ngắn hạn	203.640.636.082	1.674.411.391.584	1.564.398.793.282	(1.288.909.807)	3.441.161.911.141
Nợ dài hạn	-	45.567.761.776	106.262.396.866	(63.476.000.000)	88.354.158.642
Vốn chủ sở hữu	1.286.998.385.248	354.847.261.163	192.881.803.500	(510.000.000.000)	1.324.727.449.911
Tổng nguồn vốn	1.490.639.021.330	2.074.826.414.523	1.863.542.993.648	(574.764.909.807)	4.854.243.519.694
Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018					
Chi tiêu vốn	56.807.046.107	92.688.354.191	72.715.440.590	-	222.210.840.888
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	21.779.162.080	26.138.197.334	13.412.441.460	-	61.329.800.874
Khấu hao tài sản cố định vô hình	262.524.339	315.190.611	-	-	577.714.950

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01 tháng 01 năm 2018

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.025.131.306	498.834.550.055	18.002.031.741	-	564.861.713.102
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	43.851.350.000	-	-	43.851.350.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	169.264.363.304	425.020.892.767	988.558.576.869	(16.659.830.642)	1.566.184.002.298
Hàng tồn kho	386.331.877.338	236.673.735.276	153.723.917.051	-	776.729.529.665
Tài sản ngắn hạn khác	971.245.649	23.672.975.110	6.908.025.230	-	31.552.245.989
Các khoản phải thu dài hạn	32.876.000.000	3.864.872.800	-	(32.876.000.000)	3.864.872.800
Tài sản cố định	176.470.710.764	232.236.312.374	100.130.634.518	-	508.837.657.656
Bất động sản đầu tư	3.234.686.485	-	-	-	3.234.686.485
Tài sản dở dang dài hạn	48.552.347.941	53.116.945.547	51.200.888.870	-	152.870.182.358
Đầu tư tài chính dài hạn	573.232.641.789	-	-	(510.000.000.000)	63.232.641.789
Tài sản dài hạn khác	69.619.248.166	24.006.509.062	71.893.251.360	-	165.519.008.588
Tổng tài sản	1.508.578.252.742	1.541.278.142.991	1.390.417.325.639	(559.535.830.642)	3.880.737.890.730
Nguồn vốn					
Nợ ngắn hạn	194.107.945.092	1.195.787.510.858	1.098.554.054.220	(26.159.830.642)	2.462.289.679.528
Nợ dài hạn	-	-	98.129.537.156	(23.376.000.000)	74.753.537.156
Vốn chủ sở hữu	1.314.470.307.650	345.490.632.133	193.733.734.263	(510.000.000.000)	1.343.694.674.046
Tổng nguồn vốn	1.508.578.252.742	1.541.278.142.991	1.390.417.325.639	(559.535.830.642)	3.880.737.890.730
Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 01 tháng 01 năm 2018					
Chi tiêu vốn	59.158.842.680	73.545.146.667	47.386.391.260	-	180.090.380.607
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	53.469.276.941	24.907.664.959	11.720.045.532	-	90.096.987.432
Khấu hao tài sản cố định vô hình	506.764.800	226.102.129	-	-	732.866.929

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	4.368.026.806	5.235.443.344
Tiền gửi ngân hàng	234.226.535.840	185.626.269.758
Tiền đang chuyển	60.007.099	-
Các khoản tương đương tiền	345.000.000.000	374.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	583.654.569.745	564.861.713.102

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm 4.000 triệu VND (01/01/2018: 0 VND) bị hạn chế sử dụng để phục vụ việc thi hành án trong một vụ kiện mà công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex là nguyên đơn.

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các tổ chức tài chính, hưởng lãi suất từ 5% đến 6% một năm (01/01/2018: 5% - 6%).

Giá trị hợp lý của đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là công ty liên quan:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các công ty liên quan		
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	40.450.119.028	57.940.108.349
Các bên khác		
▪ Công ty TNHH Hóa chất Việt Linh	208.339.676.088	72.340.208.538
▪ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Gia Anh	185.399.448.460	71.906.423.299
▪ Công ty TNHH TM&DV Nam Song Anh	127.562.489.996	71.155.037.016
▪ Công ty TNHH TM&SX Việt Quang Phát	104.773.607.558	148.963.621.050
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng giao thông Phương Thành	95.919.706.812	37.500.362.537
▪ Công ty TNHH TM&DV Hà Anh Phát	84.549.456.035	121.818.513.269
▪ Công ty TNHH Hóa chất Thái Bình Dương	39.794.226.851	89.100.917.476
▪ Công ty Xây dựng 123 - Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - CTCP	9.115.393.860	10.428.627.000
▪ Công ty Cổ phần vận tải dầu khí Việt Nam	7.466.476.911	7.466.476.911
▪ Total Lubrifiants Hongkong Limited	6.758.285.065	4.325.232.516
▪ Công ty vận tải biển Vinalines	3.555.470.834	3.605.520.916
▪ Công ty TNHH Shin Kwang Global Việt Nam	-	38.135.426.300
▪ Các khách hàng khác	1.047.668.372.358	931.535.974.703
	1.961.352.729.856	1.666.222.449.880

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu khác**(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu khác từ các công ty thuộc Petrolimex	807.597.093	-
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	12.499.840.830	8.191.834.346
Lãi tiền gửi dự thu	4.496.780.575	1.559.318.259
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	4.337.973.075	-
Phải thu từ người lao động	2.245.425.666	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	380.366.599	4.788.657.629
	24.767.983.838	14.539.810.234

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Đặt cọc cho dự án Kho Nhựa Đường	3.854.175.300	3.864.872.800
Đặt cọc cho sử dụng dịch vụ khu công nghiệp	404.019.200	-
	<hr/> 4.258.194.500	<hr/> 3.864.872.800

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

31/12/2018	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn			
▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	122.487.509.186	(3.034.186.864)	119.453.322.322
▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	25.866.878.835	(7.428.326.850)	18.438.551.985
▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.223.187.943	(1.216.468.303)	1.006.719.640
▪ Từ 3 năm trở lên	171.304.972.463	(162.433.287.912)	8.871.684.551
	<hr/> 321.882.548.427	<hr/> (174.112.269.929)	<hr/> 147.770.278.498

*Trong đó:*Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (174.112.269.929)

01/01/2018	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn			
▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30.363.605.937	(6.090.093.808)	24.273.512.129
▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.374.316.774	(1.567.077.118)	3.807.239.656
▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	69.579.568.976	(29.923.662.657)	39.655.906.319
▪ Từ 3 năm trở lên	152.510.374.082	(150.135.854.848)	2.374.519.234
	<hr/> 257.827.865.769	<hr/> (187.716.688.431)	<hr/> 70.111.177.338

*Trong đó:*Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (187.716.688.431)

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	133.536.818.273	-	109.412.083.244	-
Nguyên vật liệu	205.886.591.976	-	239.854.363.389	-
Công cụ và dụng cụ	11.587.725.689	-	11.986.450.786	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	27.921.338.499	-	27.202.092.098	-
Thành phẩm	192.143.410.296	-	189.191.154.428	-
Hàng hóa	567.943.589.478	-	199.083.385.720	-
	<hr/>		<hr/>	
	1.139.019.474.211	-	776.729.529.665	-
	<hr/>		<hr/>	

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	526.344.507.633	333.937.609.285	166.784.668.986	24.590.966.991	1.051.657.752.895
Tăng trong năm	19.108.913.897	23.692.983.520	3.756.198.688	2.268.100.109	48.826.196.214
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	128.829.227.179 (1.366.248.302)	29.655.132.667 (3.172.470.114)	21.175.169.637 (677.914.364)	- (36.338.640)	179.659.529.483 (5.252.971.420)
Số dư cuối năm	672.916.400.407	384.113.255.358	191.038.122.947	26.822.728.460	1.274.890.507.172
Giá trị hao mòn lũy kế					
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	226.874.401.363	190.586.893.971	109.834.229.866	18.085.601.662	545.381.126.862
Khấu hao trong năm Thanh lý	25.931.157.883 (1.366.248.302)	21.464.157.359 (3.172.470.114)	11.406.031.523 (677.914.364)	2.528.454.109 (36.338.640)	61.329.800.874 (5.252.971.420)
Số dư cuối năm	251.439.310.944	208.878.581.216	120.562.347.025	20.577.717.131	601.457.956.316
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	299.470.106.270	143.350.715.314	56.950.439.120	6.505.365.329	506.276.626.033
Số dư cuối năm	421.477.089.463	175.234.674.142	70.475.775.922	6.245.011.329	673.432.550.856

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản với nguyên giá 241.191 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (01/01/2018: 224.465 triệu VND).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	7.879.535.312
Tăng trong năm	2.492.000.000
Số dư cuối năm	10.371.535.312
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	5.318.503.689
Khấu hao trong năm	577.714.950
Số dư cuối năm	5.896.218.639
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2.561.031.623
Số dư cuối năm	4.475.316.673

13. Bất động sản đầu tư

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá		
▪ Quyền sử dụng đất	3.234.686.485	3.234.686.485

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Tổng công ty là quyền sử dụng thửa đất số 52, 53, Khu E1, tại Đường 2 Tháng 9, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Theo chủ trương của Hội đồng quản trị Tổng công ty, Tổng công ty đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng thửa đất này, kết quả giá trúng đấu giá là 26.620 triệu VND vào ngày 11 tháng 01 năm 2019. Tại ngày phát hành báo cáo, Tổng công ty đang hoàn thiện các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất này.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HNBan hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	152.870.182.358	80.639.517.992
Tăng trong năm	188.641.394.031	154.407.275.577
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(179.659.529.483)	(77.322.755.895)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(497.324.830)	(600.938.688)
Phân loại lại từ chi phí trả trước dài hạn	1.287.026.647	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(614.000.000)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(3.234.686.485)
Giảm khác	-	(404.230.143)
Số dư cuối năm	162.641.748.723	152.870.182.358

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP		
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	19.487.082.963	17.680.399.573
Dự án xây dựng Nhà máy dầu nhờn Đình Vũ	29.840.819.026	15.860.607.248
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	8.087.296.789	7.310.267.889
Dự án xây dựng Kho dầu mỡ nhờn Đà Nẵng	7.971.073.231	7.263.873.231
Tài sản chờ lắp đặt	6.411.441.762	-
Các dự án khác	3.173.067.044	437.200.000
	74.970.780.815	48.552.347.941
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex		
Dự án xây dựng Kho Cam Ranh	60.498.582.070	19.053.089.042
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Thượng Lý	1.381.999.396	11.136.335.235
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Cửa Lò	10.242.466.258	7.841.265.967
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Quy Nhơn	-	1.676.316.622
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Nhà Bè	2.630.125.000	6.812.403.805
Các dự án khác	11.976.597.912	6.597.534.876
	86.729.770.636	53.116.945.547
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex		
Công trình kho hóa chất dung môi Đình Vũ	-	50.259.691.598
Các dự án khác	941.197.272	941.197.272
	941.197.272	51.200.888.870
	162.641.748.723	152.870.182.358

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 6.388 triệu VND (01/01/2018: 1.831 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị ghi sổ của chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 60.499 triệu VND (01/01/2018: 50.259 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các công ty con (Thuyết minh 21(b)).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018		01/01/2018				
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND
Công ty liên kết							
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	6.600.000	43,78%	43.534.152.089	6.600.000	43,78%	63.232.641.789

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	63.232.641.789	67.080.380.386
Phân bổ trong công ty liên kết	(19.698.489.700)	(3.847.738.597)
Số dư cuối năm	43.534.152.089	63.232.641.789

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đầu tư sàn văn phòng VND	Chi phí đất trả trước (*) VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	64.207.045.408	66.826.785.884	8.264.053.117	11.998.225.412	14.222.898.767	165.519.008.588
Tăng trong năm	-	-	7.024.660.084	13.480.913.475	9.801.239.334	30.306.812.893
Chuyển từ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	354.622.292	-	142.702.538	497.324.830
Phân loại sang Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	(344.226.707)	-	-	(942.799.940)	(1.287.026.647)
Phân bổ trong năm	(1.901.727.823)	(564.003.592)	(6.380.314.011)	(11.168.514.800)	(7.983.713.668)	(27.998.273.894)
Biến động khác	-	-	-	-	(96.334.964)	(96.334.964)
Số dư cuối năm	62.305.317.585	65.918.555.585	9.263.021.482	14.310.624.087	15.143.992.067	166.941.510.806

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Trong chi phí đất trả trước có giá trị quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 49.562 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex, một công ty con của Tổng công ty (Thuyết minh 21(b)).

17. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Các công ty liên quan		
▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	579.067.321.464	409.710.045.201
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	13.559.476.414	9.013.900.868
▪ Công ty TNHH Castrol BP Petco	2.590.816.679	1.662.025.979
	595.217.614.557	420.385.972.048
Các bên khác		
▪ Integra Petrochemicals Pte., Ltd.	99.402.320.130	-
▪ Grand Resources Group Co., Ltd.	66.359.290.251	-
▪ Shell Eastern Trading Pte., Ltd.	64.213.880.143	50.163.949.037
▪ Interchem Pte., Ltd.	53.556.934.106	-
▪ Wuxi Baichuan Chemical Industrial Co., Ltd.	44.631.665.691	-
▪ Petronas Chemical Marketing	38.939.965.688	1.047.794.944
▪ Hin Hin Trading Pte., Ltd.	27.155.404.769	21.101.032.594
▪ Zibo Qixiang Tengda Chemical Co.,	19.670.329.972	-
▪ Total Lubrifiants	13.028.711.451	4.513.253.849
▪ Lubrizol Southeast Asia Ltd.	6.446.333.786	1.321.499.284
▪ Công ty TNHH DV&TM Hà Anh Phát	625.889.427	27.828.738.747
▪ Fortrec Chemicals And Petroleum Pte., Ltd.	-	66.814.874.984
▪ Hanwa Co., Ltd.	-	61.986.339.643
▪ Exxon Mobil Asia Co., Ltd.	-	10.586.737.586
▪ Các nhà cung cấp khác	110.885.739.486	114.648.423.366
	544.916.464.900	360.012.644.034
	1.140.134.079.457	780.398.616.082

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 - 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

18. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	01/01/2018		Số phát sinh trong năm		Số đã khấu trừ trong năm		31/12/2018	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã khấu trừ VND	Phải thu VND	Phải nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	1.695.254	7.953.786.126	1.809.899.674.064	(874.748.196.092)	(921.712.214.327)	-	21.391.354.517	
Thuế nhập khẩu	95.805.517	-	34.561.483.945	(34.465.679.823)	-	1.395	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.998.683.098	9.483.371.348	41.046.157.751	(40.475.633.063)	-	1.056.843.365	9.112.056.303	
Thuế bảo vệ môi trường	-	2.325.249.474	27.999.669.384	(28.931.774.262)	-	-	1.393.144.596	
Thuế thu nhập cá nhân	2.929.217	903.775.412	5.606.131.385	(5.781.215.975)	-	18.352.162	744.113.767	
Thuế khác	164.845.000	49.855.809	2.297.132.241	(2.302.220.969)	-	164.845.000	44.767.081	
	2.263.958.086	20.716.038.169	1.921.410.248.770	(986.704.720.184)	(921.712.214.327)	1.240.041.922	32.685.436.264	

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí hỗ trợ bán dầu mỡ nhờn	557.973.257	2.946.264.663
Chi phí xây dựng đã hoàn thành nhưng chưa nghiệm thu	17.748.749.357	723.147.188
	<hr/>	<hr/>
	18.306.722.614	3.669.411.851
	<hr/>	<hr/>

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải trả cổ tức	1.558.992.500	1.335.214.725
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	3.627.395.659	2.848.440.516
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.000.000	8.000.000.000
Các khoản phải trả khác	2.266.105.710	826.757.769
	<hr/>	<hr/>
	22.452.493.869	13.010.413.010
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	01/01/2018		31/12/2018	
	Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Biến động trong năm Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại VND
Vay ngắn hạn	1.579.304.542.721	4.704.825.150.501	(4.128.564.062.666)	(739.126.810)
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	-	4.983.570.145	-	-
	1.579.304.542.721	4.709.808.720.646	(4.128.564.062.666)	(739.126.810)
				2.154.826.503.746
				4.983.570.145
				2.159.810.073.891

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	2 - 5,5	779.838.077.479	727.795.392.857
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	2,2	-	4.958.203.853
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	1,2	-	32.269.060.024
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	4,5 - 5,2	23.887.070.815	6.355.911.544
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	1,2 - 3,3	-	15.602.309.573
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	1,8 - 5,35	66.893.963.333	144.013.377.712
Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	4,2 - 5,6	256.814.970.079	187.012.979.342
Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	USD	3,3	61.980.750.492	-
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	USD	2,8	-	81.158.077.301
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	5,2 - 5,3	-	29.006.207.739
Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	4,7 - 5,5	644.861.362.674	4.161.151.500
Khoản vay Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	USD	1,9 - 2,3	-	68.133.659.787
Khoản vay Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	VND	5,2	19.098.225.784	-
Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	USD	3	-	104.662.053.513
Khoản vay Ngân hàng Eximbank	VND	5	-	61.358.204.045
Khoản vay Ngân hàng Eximbank	USD	2,45	152.038.062.957	112.817.953.931
Khoản vay Ngân hàng BNP	USD	2,45	149.414.020.133	-
			2.154.826.503.746	1.579.304.542.721

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(*) Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty và các công ty con. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay 3 tháng đến 6 tháng.

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex					
Khoản vay 1	VND	8,5	2025	25.900.000.000	27.750.000.000
Khoản vay 2	VND	8,5	2025	9.706.666.000	10.400.000.000
Khoản vay 3 (*)	VND	8,6	2025	1.454.466.482	1.558.356.945
Khoản vay 4 (*)	VND	8,5	2025	1.601.349.794	1.715.731.922
Khoản vay 5	VND	8,5	2025	4.033.512.933	4.321.621.000
Khoản vay 6 (*)	VND	8,5	2025	1.709.030.289	1.831.104.289
Khoản vay 7	VND	8,5	2025	5.878.040.000	6.297.900.000
Khoản vay 8	VND	8,5	2025	2.352.882.700	2.520.945.700
Khoản vay 9	VND	8,5	2025	9.936.898.813	10.646.677.300
Khoản vay 10	VND	10,1	2025	7.197.120.000	7.711.200.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam					
	VND	Libor 3M + 0,7%	2023	23.567.761.776	-
				93.337.728.787	74.753.537.156
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (a)				(4.983.570.145)	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				88.354.158.642	74.753.537.156

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay dài hạn được nhận từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, có thời hạn 10 năm (ân hạn gốc 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên) để thực hiện dự án Kho dung môi - Hóa chất Petrolimex Đình Vũ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản bao gồm: quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 49.562 triệu VND và toàn bộ cơ sở hạ tầng, tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị của Kho dung môi - Hóa chất Petrolimex Đình Vũ.

- (*) Theo thỏa thuận giữa Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2016 của khoản vay 1 và khoản vay 2 được chuyển thành các khoản vay dài hạn mới (khoản vay 3 và khoản vay 4), chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 của các khoản vay 1, 2, 3, 4, 5 được chuyển thành khoản vay dài hạn mới (khoản vay 6).

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	8.518.987.299	3.121.375.999
Trích lập trong năm	10.318.554.562	17.391.028.243
Sử dụng trong năm	(15.187.426.899)	(11.993.416.943)
Số dư cuối năm	3.650.114.962	8.518.987.299

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 01/01/2017	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	-	298.985.382.014	20.463.604.691	219.902.802.933	1.351.354.699.638
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	171.400.866.114	171.400.866.114
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(17.391.028.243)	(17.391.028.243)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	39.305.238.304	-	(39.305.238.304)	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	-	-	(161.595.132.000)	(161.595.132.000)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	(31.616.582)	-	-	-	(31.616.582)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	(43.114.881)	(43.114.881)
Số dư ngày 01/01/2018	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(31.616.582)	338.290.620.318	20.463.604.691	172.969.155.619	1.343.694.674.046
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	152.990.212.825	152.990.212.825
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(10.318.554.562)	(10.318.554.562)
Chia cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	-	-	(161.595.132.000)	(161.595.132.000)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	-	(43.762.401)	-	-	-	(43.762.401)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	12.003	12.003
Số dư ngày 31/12/2018	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	(75.378.983)	338.290.620.318	20.463.604.691	154.045.693.885	1.324.727.449.911

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000	1.273	12.730.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND	%	VND	%
Cổ đông				
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100%	807.988.390.000	100%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 18 tháng 04 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 161.595 triệu VND (2.000 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 (2017: 161.595 triệu VND (2.000 VND trên một cổ phiếu)).

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	117.863.399.271	154.604.789.547

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		01/01/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	1.326.702	30.724.194.679	562.098	12.736.355.010
Euro ("EUR")	234	6.655.678	245	6.966.781
Lao Kips ("LAK")	2.483.619.082	6.770.211.944	37.543.000	102.353.535
		37.501.062.301		12.845.675.326

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Đã được duyệt	164.916.000.000	135.220.000.000

(d) Hợp đồng mua bán ngoại tệ

Tại ngày báo cáo, theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Tổng công ty và các công ty con có các cam kết mua USD được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Cam kết hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn	-	378.374.416.076

28. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế bảo vệ môi trường. Doanh thu thuần của Tổng công ty và các công ty con bao gồm:

	2018 VND	2017 VND
Bán dầu mỡ nhờn	1.404.802.935.430	1.371.676.877.855
Bán nhựa đường	2.148.420.477.806	1.630.315.437.321
Bán hóa chất, dung môi	2.841.633.770.319	1.983.575.044.729
Bán hàng hóa khác	41.467.834.399	41.917.080.280
Thu nhập từ kinh doanh chênh lệch giá hóa chất	-	21.604.056.710
	6.436.325.017.954	5.049.088.496.895
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(2.346.752.147)	(2.629.541.925)
	6.433.978.265.807	5.046.458.954.970

29. Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn dầu mỡ nhờn	950.660.654.821	930.008.733.745
Giá vốn nhựa đường	1.895.998.273.197	1.419.196.345.372
Giá vốn hóa chất, dung môi	2.676.414.070.249	1.880.267.806.740
Giá vốn hàng hóa khác	39.494.840.678	34.155.445.785
	5.562.567.838.945	4.263.628.331.642

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi	18.325.120.187	19.805.840.738
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.636.703.608	7.899.696.361
Lãi hàng bán trả chậm	4.590.037.500	3.988.805.889
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	173.070.799
	31.551.861.295	31.867.413.787

31. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	85.633.635.141	54.202.198.384
Chiết khấu thanh toán	-	2.329.525.306
Lỗ chênh lệch tỷ giá	24.048.893.804	3.736.971.605
Chi phí tài chính khác	1.537.595.621	-
	111.220.124.566	60.268.695.295

32. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	78.114.560.559	75.303.488.351
Chi phí vận chuyển	109.197.899.754	95.207.292.932
Chi phí hỗ trợ bán hàng	58.479.290.905	71.690.263.334
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	83.133.150.912	55.120.289.008
Chi phí sửa chữa	9.816.057.397	9.772.189.368
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.084.043.428	34.276.905.111
Chi phí bán hàng khác	128.103.879.651	104.674.773.769
	489.928.882.606	446.045.201.873

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	60.253.265.203	45.169.150.884
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.508.911.917	4.779.907.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.358.414.409	15.342.486.889
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	19.701.144.791	26.387.147.369
	95.821.736.320	91.678.692.836

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	974.366.490.163	900.227.069.565
Chi phí nhân viên	166.806.734.064	143.497.499.401
Chi phí khấu hao và phân bổ	64.373.247.239	92.796.367.154
Chi phí dịch vụ mua ngoài	196.688.299.597	154.054.459.459
Chi phí khác	221.558.164.569	245.447.000.524

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	194.036.370.576	215.077.044.021
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	38.807.274.116	43.015.408.804
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho công ty con	151.072.038	
Chi phí không được khấu trừ thuế	274.541.805	444.693.026
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	1.813.269.792	-
Ảnh hưởng do lỗ từ công ty liên kết	-	216.076.077
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	41.046.157.751	43.676.177.907

(b) Thuế suất áp dụng

Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty TNHH MTV Nhựa đường Petrolimex Lào – công ty con cấp 2 có mức thuế suất 24%.

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi ước tính cho năm 2018 là 142.671.658.263 VND (2017: 171.400.866.114 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân là 80.797.566 cổ phiếu (2017: 80.797.566 cổ phiếu). Chi tiết của Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông như sau:

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	152.990.212.825	171.400.866.114
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(10.318.554.562)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	142.671.658.263	171.400.866.114

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 10.318.554.562 VND – số đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận cho năm 2017.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Các công ty liên quan		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Công ty mẹ</i>		
▪ Cổ tức	127.773.270.872	127.778.518.000
<i>Petrolimex Singapore Pte Ltd.</i>		
▪ Mua hàng hóa	1.220.075.742.700	1.034.392.016.023
<i>Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex</i>		
▪ Bán hàng hóa	1.139.822.449.805	1.118.368.868.116
▪ Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	120.558.003.239	132.779.577.830
<i>Công ty TNHH Castrol BP PETCO</i>		
▪ Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	16.719.025.086	24.172.276.507

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex		
▪ Các khoản vay	131.750.717.503	161.933.876.670
▪ Trả nợ vay	4.983.570.145	205.772.933.904
▪ Lãi vay nhập gốc	-	1.831.104.289
▪ Lãi vay	7.663.526.823	2.154.885.668
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP		
▪ Mua dịch vụ	16.197.371.699	18.963.150.000
Tổng Giám đốc		
▪ Tiền lương và thưởng	1.042.970.535	941.803.709
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên khác thuộc Ban Tổng Giám đốc		
▪ Tiền lương, thù lao và thưởng	5.971.131.357	4.723.998.525

38. Các khoản tiềm ẩn

Theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP (“Nghị định 20”) ban hành ngày 24 tháng 02 năm 2017 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, tổng chi phí lãi vay phát sinh trong năm được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay và chi phí khấu hao trong năm. Trong năm, Tổng công ty và các công ty con có phát sinh giao dịch thương mại với bên liên kết nhưng không có khoản vay với bên liên kết. Tuy nhiên hiện có những diễn giải khác nhau về việc quy định của Nghị định 20 có áp dụng hay không trong trường hợp doanh nghiệp có giao dịch thương mại với bên liên kết nhưng không có khoản vay với bên liên kết mà chỉ phát sinh chi phí tiền lãi trên khoản vay từ các bên không phải là bên liên kết. Theo diễn giải của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con, quy định này không áp dụng trong trường hợp công ty không phát sinh chi phí lãi vay với bên liên kết. Tuy nhiên việc có hay không áp dụng quy định này trong trường hợp Tổng công ty và các công ty con không phát sinh chi phí lãi vay với bên liên kết phụ thuộc vào quan điểm của cơ quan thuế mà hiện tại Tổng công ty và các công ty con chưa nhận được hướng dẫn cụ thể. Tại ngày của báo tài chính này việc diễn giải phạm vi áp dụng của quy định nêu trên được xem là tiềm ẩn yếu tố không chắc chắn. Do vậy Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty không điều chỉnh ảnh hưởng của chi phí lãi vay có khả năng không được trừ (ước tính là 9.650 triệu VND) khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Nếu khoản chi phí lãi vay này được kết luận chính thức là không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp thì thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc cùng ngày sẽ cùng tăng lên một khoản là 9.650 triệu VND.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

39. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 26 tháng 03 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc